

LIÊN HOA



VĂN - TẬP

TRONG TẬP NÀY :

Số Đặc San 11-12



P.

L.

2

5

1

8

- LIÊN-HOA** : *Liên-Hoa chúc Tết*
- Thiện-Châu** : *Ý nghĩa ngày thành Đạo*
- Toàn-Siêu** : *Vài cảnh hoa sanh từ đất Phật*
- Trọng-Sinh** : *Tết vui cho ai, buồn cho ai ?*
- Huyền-Không** : *Ngủ (thơ)*
- Thiện-Châu** : *Câu chuyện nguyên tử*
- Chánh-Lạc** : *Lòng dửng cảm của nàng Long-Thị*
- H K** : *Tình nhân-loại (thơ)*
- Thiên-Ân** : *Một danh tăng Nhật-bản*
- Hoài-Anh** : *Những ngày bên chị (thơ)*
- H. T.** : *Một bức thư*

Xem Mục lục bên trong đầy đủ hơn

Liên-Hoa Tùng-Thư xuất bản và phát hành

LIÊN HOA

VĂN TẬP

LIÊN - HOA CHÚC TẾT

Dù muốn dù không, cứ mỗi độ Xuân về mọi người thường có tục lệ chúc nhau đủ điều, nào chúc anh may mắn, chúc chị phát tài, chúc chú vạn an, chúc bác trường thọ, và còn rất nhiều những câu tương tự như thế.

Giờ đây với các bạn đạo - tâm thân mến, Liên - Hoa biết chúc gì ngoài số chữ gần như nhạt màu kia, các bạn nhỉ ?

Khó quá ?

Vì rằng : Xuân của người Phật-tử không phải là mùa Xuân ồ ạt, hời hợt và chóng tàn, — Xuân bất diệt, — thì ngày nào, tháng nào hay năm nào là không Xuân mà phải đợi khi hoa nở, bướm bay, sương sa, oanh kót mới ca tụng Xuân về ?

Thế thì Phật-tử chúc nhau xem như là trái ngược.

Hơn nữa : « Nếu đời phải rộn-ràng, phải cười reo mới sống, thì mùa Xuân sẽ không bao giờ nở trong vườn hoang.

Nhưng cũng đề hòa vui với thiên - hạ Liên-Hoa xin mượn mấy dòng thơ sau đây thay lời chúc toàn thể Phật-tử xa gần và nhất là những bà con đã trực hay gián tiếp nâng đỡ Liên-Hoa Văn-Tập trong năm qua :

« Mùa Xuân không có thời - gian,

Cũng không nhất định ở phương hướng nào.

Một hàng cây, ít mây đào,

Với lòng thanh thoát, với rào hương trinh.

Với hồn nhập nhẹ anh linh.

Với tay đưa bắt những tình Chơn-Không ».

Thành thật chúc các bạn sống trong mùa Xuân « lý-tưởng ».

LIÊN HOA

Ý NGHĨA NGÀY THÀNH ĐẠO

Mồng tám tháng tư là ngày đức Thế-Tôn ra đời với bản-nguyên độ-sanh, thì ngày mồng 8 tháng chạp là ngày khởi đầu cho công-cuộc vĩ-dại ấy.

Là Phật-tử được soi sáng bởi hào-quang trí-giác của đức Phật, không ai quên được ngày lịch-sử đầy ý nghĩa này.

Ngược giòng thời-gian, dở lại trang lịch-sử bi-hùng của đấng Điều - Ngự, chúng ta thấy :

« Sau bao nhiêu năm gian-lao, khổ-sở, lăn dò tham học với các vị đạo-sĩ, tiên-nhơn, sáu năm khổ-hạnh trong rừng sâu núi thẳm, Thái-tử Tất-Đạt-Đa tìm ra một con đường ngoài hai con đường — đắm mê khoái-lạc vật-chất con đường sẽ truy-lạc khổ đau, mà ép xát, khổ-hạnh chỉ làm cho thân thể mỗi-mòn khô héo, chẳng lợi gì cho sự suy - tầm chơn-lý — Ngài mạnh dạn ly khai đời sống khổ-hạnh của các vị đạo-sĩ đạo Bà-la-môn, cũng như đã từ giả đời sống nhỏ hẹp phù-hư mà thể nhân tham đắm... Dùng bát sữa của nàng Tu-Xà-Đề dâng cúng, xuống sông Ni-liên-thuyền tắm rửa xong, Ngài thẳng đến cây Tất-bát-la ngồi trên thảo-tòa và lập đại nguyện : « Dầu thịt nát xương tan mà chưa tìm được Đạo thì quyết không rời khỏi chốn này ! » Chính nhờ câu nói đầy cương-ng nghị này và sự vận-dụng tận cùng khả-năng tinh-nhuệ của trí-tuệ tinh-vi để chiến-thắng tất cả mà Ngài thành được Đạo, sau bốn mươi chín ngày thuyền-dịnh... « Đêm hôm ấy, màn đen bao phủ, cảnh vật đắm chìm trong đêm tối dưới gốc cây Tất-bát-la. Sau khi thẳng-phục ma-vương, quỷ-sứ hiện thân của tham-lam giận-dữ, mê-mờ và sự căm-dối của đoàn vũ-nữ hiện-thân của dục-tình si-ám. Đến canh hai thì Ngài chứng được « túc-mạng-minh » thấu rõ cả những tiền-kiếp xa xưa của Ngài và của tất cả chúng-sinh, sanh mạng là một giòng sông vô-thỉ, vô-chung giai đoạn sau liên-hệ với giai đoạn trước. Giai đoạn trước là nhơn, giai đoạn sau là quả. Bao nhiêu công hạnh tu hành trong quá khứ là những nấc thang nối tiếp dẫn đường cho sự thành Đạo hôm nay của Ngài.

Nửa đêm Ngài chứng quả « Thiên-nhân-minh » thấy rõ dành rành vũ-trụ bao-la ; thế-giới này chỉ là một điểm nhỏ trong vòm trời to rộng.

Sự vật trong vũ-trụ tan hợp, hợp tan, trùng trùng điệp điệp muôn loài chúng-sanh chết nơi đây sanh chỗ khác, lăn-lóc mãi trong sáu đường không định kỳ thời nghỉ.

Đến canh tư Ngài chứng quả « Lậu-tận-minh » biết rõ cội nguồn của khổ đau là mê-mờ dục-vọng. Vì mê-mờ nên chúng-sanh tạo không biết bao nhiêu điều tội lỗi đề rồi phải chịu lấy sáu tui đau thương. Muốn diệt trừ đau khổ phải phá tan mê-mờ và dục-vọng.

Cũng trong lúc này, sao mai xuất hiện đề kết thúc một đêm dài đen tối và ánh sáng trời mai bắt đầu chói-lọi huy-hoàng.

Đến đây Ngài hoàn-thành được công việc đã làm trong nhiều kiếp số. Ngài đã thành Đạo và cây Tất-bát-la cũng được gọi là cây Bồ-đề, cây Giác-ngộ.

Thành-Đạo, hai tiếng ấy làm rung động cuộc sống điên-đảo của trần-gian. Từ nay Thái-tử Tất-Đạt-Đa trở thành một Đức Phật. Một đấng Giác-ngộ hoàn-toàn, thấu rõ chơn-lý vũ-trụ, nhưn-sanh, phát minh những phương thuốc nhiệm-mầu không tiền khoáng hậu cho nhân thế.

Bao nỗi hân-hoan tràn ngập trong lòng chúng-sanh đang bị đọa-dày nơi biển đời tăm-tối.

Mà sung-sướng thật ! Thành đạo rồi Ngài đi sâu vào đời sống quần-chúng truyền-bá chơn-lý, hướng dẫn con người quay về với nếp sống thanh-bình trong tình thương chân-thật.

Trọn đời, Ngài chỉ làm có một việc ấy, cho đến một hôm vì phải kịp thời giảng đạo cho dân chúng ở thành phố kế cận, tuy sức khỏe kém, Ngài vẫn cố-gắng và đã niết-bàn trên đường đi hóa-dộ đề lại cho mọi người những mối cảm-hoài vô-tận...

Ngày nay, mỗi khi nhớ đến cuộc đời cao cả của đức Thế-Tôn, chúng ta những người may-mắn hơn ai hết được thừa hưởng một gia-tài chơn-lý, không khỏi bồi-hồi cảm-phục sự thành Đạo của Ngài là một kết-quả hoàn thành bao sự hy-sinh liên-tiếp trong vô-số kiếp.

Giờ đây, dường đã có kẻ chỉ, chỗ đến đã có người bày chúng ta chỉ còn một việc là phải tiến mạnh đề đạt cho kỳ được những gì mà đức Từ-Bi mong muốn.

Than ôi ! « Tất cả chúng-sanh đều đủ đức tướng trí-huệ của Như-Lai nhưng vì vô-minh che lấp nên phải sanh-tử luân-hồi đầy thôi ».

Đó là lời dạy đầu tiên của đức Thế-Tôn sau khi Ngài thành Đạo. Phật-tử chúng ta cần phải ghi nhớ đề tự khai-thác khả-năng cao đẹp của mình và hướng người về Chánh-đạo.

THÍCH - THIỆN - CHÂU

MỘT CẢNH TẾT

HAY

Tết vui cho ai, buồn cho ai ?

THẾ là đã đến ngày 29 tháng chạp.

Chiều hôm ấy, con heo bà Cửu trông buồn-bã ử-rũ. Nó buồn vì cảnh vật trong một ngày cuối năm ?

Chiều hôm ấy, là một buổi chiều không mưa không nắng. Bầu trời toàn một màu xám-xịt. Lạnh ! ở đâu cũng lạnh. Và chỉ có cảm giác lạnh-lẽo là cảm giác sâu xa nhất bao trùm cả cảnh vật. Từ người, vật cho đến cây cối đều như co rút lại vì lạnh. Con heo bà Cửu chắc không tránh khỏi cái rét giữa mùa ấy. Nhưng hình như nó buồn vì duyên cớ xót xa hơn. Trong cái buồn của nó, có lẫn sự tủi nhục, sự chờ mong một điều ghê tởm không muốn, nhưng không thể tránh được cái chết.

Con heo bà Cửu, tính tình vốn điềm đạm, bình dị. Trong lòng lúc nào cũng như tự-mãn, tự-túc. Cuộc đời của nó dễ-dàng lắm. Ăn cho no, ngủ cho kỹ thế thôi. Không bao giờ nó hối tiếc, hay nghiến-ngấm dĩ-vãng, lo lắng tương-lai. Chỉ có hiện-tại đối với nó là đáng kể. Và hiện-tại đối với nó kể thì đáng sống lắm. Nhà ở của nó vừa-vặn, ấm áp, không bị mưa dột. Còn ăn thì ngày hai bữa đã có bà chủ nhà mang đến đều-đặn vào buổi mai, và buổi chiều. Vì thế không bao giờ nó phải lo âu gì cả.

Thế mà chiều nay, trông thấy nhà chủ rộn-rịp, vui-vẻ, hẳn rung mình hoảng sợ. Và như hành động theo một sức ám-ảnh nào, nó bước về một góc chuồng, nằm yên, chờ đón sự cay đắng của số-phận. Trong lúc ấy, hình ảnh một ngày xa xưa hiện về với nó rõ mồn-một.

Cách đây một năm; người bạn đồng chuồng của nó không phải là chú heo con hiện giờ. Bạn của nó lúc đó, to lớn, phốp-pháp hơn nó nhiều lắm. Hai má đầy nung-núc những thịt. Mỗi bước chân của hấn cất lên là các thớ thịt rung lên, và lúc nào cũng như chực rớt ra ngoài. Hai mắt nhắm thín-thít, như sẵn-sàng lập một mưu kế. Nhưng loài heo nào có biết nghĩ gì, mà chỉ vì nó béo quá mà thôi. Bụng xệ xuống đến rơm ở chuồng, che mất bốn cái chân cụt ngắn. Vì thân hình nặng-nề nên không mấy lúc nó đi lại. Lúc nào cũng nằm, như những ông trưởng-giã bụng phệ. Tính tình nó lại hiền hòa dễ-dãi. Không bao giờ nó ỷ-thể mình quen lâu với nhà chủ, và sức mạnh của mình, mà ăn hiếp người bạn mới xa lạ nhỏ-nhỏ. Nhưng có điều đáng phiền là nó phải cái tính háu ăn. Vì thế, mỗi khi bà chủ nhà đi vắng, giao công việc «com nước» lại cho cô con gái bà ta, thì bao giờ hấn cũng lấn phần của anh bạn mới nhút-nhát. Vì tuy lớn, nhưng cô bé này còn ham chơi hơn thích việc. Cô ta chỉ làm lấy lệ: trút cháo vào盎 rồi là cô đi mất tăm, không đoái hoài gì nỗi khổ sở của con vật mới của mình. Nhưng có gì đáng trách! Bản tính háu ăn là bản tính của loài heo, cũng như bản tính bất nạt — Hay ư làm lãnh-tự cũng thế — của loài người. Nhưng rồi tình bằng hữu của đôi bạn nổi lại ngay như hồi nào, vì anh heo nhỏ thì không dám trách móc gì, bao giờ cũng yên phận, còn anh lớn lại tỏ ra mình là kẻ cũ hơn bao giờ hết. Nếu cứ thế mà trôi, thì cuộc đời của đôi bạn ấy cũng vui! Nhưng ác hại thay! cuộc đời còn có những cái khác nữa.

Cũng một buổi chiều u ám như hôm nay. Nhà chủ cũng vui-vẻ rộn-riپ như thế này. Cũng tiếng reo hò điếc tai của lũ trẻ, tiếng cười nói măn nguyện của người lớn. Con heo nhỏ bé như cũng lấy cái vui của mọi người. Nó muốn nhảy ra ngoài để vui đùa với lũ trẻ, vì nó nghĩ chắc lũ trẻ hiền hòa, vui-vẻ lắm. Nhưng cái chuồng cao quá. Mấy lần nó định nhảy, nhưng liệu sức mình không nổi, nó lại thôi. Nó hậm-hực nhìn cái chuồng. Nhưng phải cùng ai trò chuyện thì lòng hấn mới thỏa. Hấn đành phải trò chuyện với ông bạn già nghiêm-nghị vậy.

Nhưng kia! Sao bạn của nó hôm nay trông thiếu-não quá

Bạn nó nằm yên, cái mỏ ghếch lên trên, hai cái chân duỗi ra phía trước, chỉ thỉnh-thoảng thở phào một cái. Nó không dám đến gần. Chỉ đứng xa xa nhìn bạn và lo ngại. Càng nhìn, nó thấy bạn nó không có vẻ gì là giận dữ, đôi mắt hiền từ và như triu-miền nó hơn lúc nào cả. Bây giờ nó mới đánh bạo lại gần tìm hỏi câu nguyên.

— « Có lẽ chúng ta đến chết mất ». Thấy nó ngờ-ngác không hiểu, bạn nó lại tiếp :

« Chú không thấy nhà chủ vui-vẻ, rộn-riệp sao ? Ấy những ngày sung-sướng của họ, chính là những ngày đau khổ của tui mình !... »

Thấy bạn một nhọc trả lời, và hình như không muốn nói gì nữa, nên nó cũng yên lặng. Hai con vật chìm đắm trong ý-nghĩ riêng của mình. Thật ra, chú heo con nào có biết lo nghĩ gì, nó chỉ thấy buồn. Cái buồn của người sắp lẽ-loi, không biết cùng ai trò chuyện. Nhất là vì bị ám-ảnh bởi cái buồn của bạn nó. Trái lại, bạn của nó buồn thiếu-não. Cái buồn của người muốn thoát-ly một tai nạn nhưng không đủ khả-năng. Cái buồn của người chờ đón một việc không hay xảy đến, và trông cho mau kết-liệu. Cái buồn của một tội nhân khắc-khoải chờ đợi giờ pháp-trường. Trong đầu nó một đám tang đang diển hành tưởng không bao giờ dứt. Trái lại, về phần con heo nhỏ, chỉ một lát sau, sự yên tĩnh trở lại trong lòng nó. Phải, có cái gì đáng sợ đâu ! Bà chủ vẫn hiền từ. Vẫn ngày cho ăn hai bữa. Và hình như có phần chăm sóc hơn. Bà lại chả ra thăm chừng nó nhiều hơn thường lệ là gì ? Nó thấy bạn nó buồn là vô lý. Lúc ấy nó muốn đến gần bạn mà an- ủi, mà vỗ-về. Nhưng nó không dám. Bạn nó vẫn như hồi nào, vẫn đáng điệu nghiêm trọng ấy, vẫn đáng điệu bi-đát ấy. Sự lo sợ vô cớ lại xâm chiếm lấy nó. Nhất là khi gặp cái nhìn của bạn nó. Ôi cái nhìn ! Cái nhìn của bạn nó nữa như luyến tiếc, nữa như kinh hoàng. Lúc ấy, sự yên tĩnh trong lòng nó tiêu tan như ngọn đèn tắt phụt trước cơn gió mạnh.



Buổi chiều hôm sau, một người đàn ông theo bà chủ, đi đến chuồng. Sự sợ hãi phát khởi trong bạn nó như cơn cát gặp cơn gió lốc. Một cảm-giác vừa ngạc-nhiên vừa hoảng-hốt nổi dậy

trong lòng nó. Tuy sợ, nhưng vì tò-mò, nó lủi vào một góc chuồng như người lạ mặt.

Anh ta cầm một cái roi tre. Vận quần áo cụt. Đầu quấn một cái khăn lòng to tướng. Hình như không thèm nhìn đến nó, anh ta chỉ ngó thoáng qua. Còn lúc nào đôi mắt cũng như dính chặt lấy bạn nó. Anh ta vẫn không nói gì. Chỉ lát sau, anh ta gặt đầu, tỏ vẻ hài lòng, rồi nói với bà chủ :

« Bà có tay nuôi lắm đấy, con heo này chắc thịt ngon lắm. Còn con nhỏ sang năm thì vừa ».

Lát sau, một người nữa đến. Anh này nhỏ hơn. Rồi hai người. Ba người. Và nhiều người khác nữa. Nó thấy dâng lên trong lòng một niềm kinh hãi.

Mọi người trông ra vẻ hă-hê. Họ lững xăng, kẻ chạy lên, người chạy xuống. Trong khi ấy, hai con heo, chân vẫn chôn chặt xuống nền chuồng.

Bỗng người lạ mặt lên tiếng: « Thôi, chúng ta vào bắt cho rồi, làm chừ kéo tới ».

Không đợi trả lời. Anh ta bước vào chuồng. Sự hoảng-hốt của chúng nó lên đến cực-điểm. Chúng nó liếc mắt nhìn bốn phía để tìm chỗ thoát. Nhưng ở đâu chúng cũng thấy người là người. Mấy lần nó định nhảy phóc ra khỏi chuồng, nhưng chuồng cao quá mà chúng bị giam cầm nên cùn cẳng từ lâu rồi. Nhất là con heo lớn, còn đeo thêm thân hình nặng-nề nữa ! Có lẽ nghĩ đến thân hình nhỏ-nhỏ của mình, con heo con vội chạy đến chỗ trống uất của chuồng để chui ra. Nhưng vừa đến nơi thì nó bị một roi quất mạnh vào mình. Một người đã đứng chực ở ngoài đó từ bao giờ.

Nhưng người lạ mặt không để ý đến nó. Anh ta lấy cái roi già con heo lớn. Con heo này chạy lung tung khắp chuồng. Người này đứng phía tả, nó chạy qua phía hữu. Người lạ mặt bình-tĩnh lắm. Y không hề tỏ vẻ bối rối. Lát sau, sức con heo yếu dần, người lạ mặt dồn nó vào một góc chuồng. Người và vật giằng-nhau. Con heo học lên mấy tiếng cậm-bờn, phẫn-nộ. Nhưng cũng chỉ có thế thôi, hẳn không biết làm gì hơn nữa. Người lạ mặt vẫn bình-tĩnh, y bước dần về phía con heo. Bỗng nhanh

Ngày Phật thành đạo

Hôm nay, với một lòng thành kính, một chí-nguyện vững bền hàng Phật-tử chúng ta quy tụ về đây để làm lễ kỷ-niệm ngày Thành-Đạo của Đức Bồn-Sư Thích-Ca Mâu Ni. — Vì đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát và, với một lòng từ vô hạn, một trí-tuệ tuyệt vời Ngài luôn luôn đặt mục-dịch đem ánh-sáng chân-lý phá tan màn vô-minh đen tối để giải-thoát cho chúng-sanh lên trên tất cả.

Ngày Thành - Đạo thật là một ngày huy-hoàng nhất trong lịch-sử nhân-loại, nên dù đã trải qua hai ngàn năm trăm mười tám năm mà hôm nay vẫn còn vang dội, và sẽ còn vang dội mãi mãi về sau nữa, nếu nhân-loại chưa thôi mong ước xây dựng một cuộc sống hòa-bình thật-sự.

Trong giờ phút trang-nghiêm và thanh-tĩnh này tụng lại lịch-sử bi-hùng của Đức Phật chúng ta thấy :

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni khi còn làm một Thái-tử tên là Tất-Đạt-Đa.

K.D.

Của bọn tà-dạo và nỗi đau đớn vì định-luật sanh, già, bệnh, chết, của muôn loài nữa ; cho nên Ngài hy-sinh đời sống cá nhân nhỏ hẹp, vượt thành trong một đêm đen mờ mịt tìm phương giải-thoát cho muôn loài.

Bên giòng A-Nô-Ma, Ngài cắt tóc giao lại cho Xa-Nặc đem về với một lời thề cương-quyết : Nếu không tìm ra ánh-sáng chân-lý ta thề không trở về thành Ca-tỳ La-vệ — Quê hương của Ngài, — rồi một mình đi thẳng vào tận rừng xanh tìm học đạo-lý với các vị Tiên nhân.

Trải qua 6 năm khổ-hạnh Ngài xác nhận rằng bao nhiêu vật-chất thịnh-lạc của thế-gian cũng như lối tu khổ-hạnh của ngoại-đạo mà Ngài đã nếm chỉ như tảng đá nặng đè giập chìm chúng sanh xuống hố sâu luân-hồi sanh-tử chứ chưa phải con đường thoát khổ cứu cánh. Mà muốn thoát khổ phải tiến theo con đường trung-đạo, cây ở trí năng sẵn có tiềm ẩn trong mỗi con người mà thôi. Bởi thế, cho nên một hôm Ngài đã ly-khai lối tu khổ-hạnh của ngoại đạo dùng bát sữa của nàng Tu-Xà-Đề xuống sông Ni-liên-thuyền tắm rửa rồi đến an tọa dưới gốc cây Tất-bát-la — Cây Bồ-đề hiện tại — với một lời thề quả-quyết không kém lời thề năm xưa ở bên giòng A-Nô-Ma. Lời thề ấy : « Dẫu cho thịt nát xương tan, quyết không rời khỏi cây này nếu không tìm ra đạo giải-thoát cho mọi người mọi vật ».

Suốt 49 ngày, Ngài vận dụng trí-tuệ, tinh-nhuệ, đức tánh kiên nhẫn thắng phục tất cả sự thử-thách của nội ma cũng như ngoại chướng, rồi tiến lên địa-vị toàn giác.

Đầu hôm, chứng « túc-mạng-minh », Ngài thấy rõ sự chuyển biến không ngừng của sinh-mạng Ngài và tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp về trước.

Nửa đêm chứng « thiên-nhãn-minh », Ngài thấy rõ sự tương-quan của các pháp trong vô vàn thế-giới.

Cuối đêm, khi sao mai vừa xuất hiện ở phương đông thì sao chân-lý cũng vừa xuất hiện, Ngài chứng được « lậu-tận-minh ». Nghĩa là Ngài dứt hết nguồn gốc của vô-minh đen tối hoàn thành đạo-quả vô-thượng bồ-đề.

Chỉ nguyện đã mãn, lời thề đã thật hiện, Ngài đứng dậy khỏi gốc Bồ-đề than rằng : « Ôi ! Tất cả chúng-sanh đều đầy đủ đức tướng như chư Phật, nhưng vì vô-minh đen tối mà phải sanh tử luân-hồi ! ».

Lời nói ấy thật như một tiếng hồng-chung thức tỉnh muôn loài thoát cơn ác mộng từ vô-thỉ kiếp.

Từ đây Ngài đi sâu vào đời sống quần-chúng y theo phương-pháp mà muôn đời các đức Phật đã làm : Quán triệt tôn-chỉ

tối cao, thời thiết mọi biện pháp cứu-độ chúng - sanh cho đến hôm nhập Niết-bàn ở rừng Sa-la.

Cũng vì mục-đích cứu khổ muôn loài cho nên tất cả các công việc làm của Đức Phật sau ngày Thành-đạo chúng ta thấy có ba điểm nổi bật và đáng cho chúng ta phải để ý :

Một là — Với đức tánh Từ-bi, Đức Phật đã vui cái vui của chúng-sanh, khổ cái khổ của muôn loài cho nên suốt 49 năm thuyết-pháp độ-sanh Ngài không lúc dừng nghỉ. Chính hôm ở rừng Sa-la trước muôn ngàn người biết hướng-thiện Ngài còn nhắc lại những lời dạy cốt yếu (chép ở trong kinh Di-giáo) cùng phương-pháp tự-lợi, lợi-tha và độ cho ông Tu Bạt-Đà-La rồi mới nhập Niết-Bàn.

Đời Đức Phật như thế chứ không phải như những kẻ vì bản ngã nhỏ hẹp, muốn vớ đầu kẻ khác, mong tiền tài danh vọng, vợ đẹp con yêu mới tận tụy với việc làm dù việc làm trái lẽ phải, còn ngược lại thì thôi dù việc làm hợp chân-lý.

Hai là — Với trí-tuệ tuyệt vời Đức Phật vạch cho ta thấy : Cuộc thế là vô-thường, muôn pháp đều giả huyễn ; đau khổ là định luật chung của muôn loài, nếu chưa giác-ngộ và giải-thoát. Theo đức Phật thì nỗi khổ ấy do tham, sân, si từ vô thủy của mỗi chúng sanh làm nguyên động lực. Nỗi khổ đã tự chúng-sanh gây nên thì kết cuộc khổ quả cũng tự chúng sanh hưởng thọ ; đến như sự an-tĩnh của Niết-Bàn mà Ngài là người đã thật chứng cũng chỉ do Ngài xây dựng, chứ không phải do một vị thần-linh nào sắp đặt, hoặc vật chất cấu hợp... như thế gian đã tranh nhau quy-định.

Đức Phật nêu rõ đời là khổ và quy-định nguyên nhân đều do chúng-sanh nói chung, con người nói riêng gây tạo cho nên tiếp theo sau đó Đức Phật lại đề ra phương-pháp hoán cải con người là ưu-tiên hơn cả. Phương-pháp ấy là tám chánh-đạo : hiểu biết chân-chánh, suy nghĩ chân-chánh, lời nói chân-chánh, hành động chân-chánh, sinh-hoạt chân-chánh, nhớ nghĩ chân-chánh, tinh-tấn theo việc làm chân-chánh, và giữ tâm ý thống nhất theo lẽ chân-chánh.

Nếu con người đem áp dụng phương-thức ấy vào đời sống hằng ngày, gút hết tham, sân, si khi đó con người mới xứng danh nghĩa của nó. Con người được cải thiện cố nhiên gia - đình con người sẽ là gia-đình hòa-thuận, tình-yêu, vui-vẻ ; xã-hội con người sẽ là xã-hội hạnh-phúc thật sự.

K.D.

Bởi lẽ « con người là trung tâm của tất cả ».

Và ba là — Với đức tánh bình - đẳng, trong cuộc du-hóa Đức Phật không bao giờ bộc lộ một tâm lượng hẹp hòi, phân biệt kẻ oán người thân, kẻ giàu người nghèo, hoặc kẻ nô-lệ người có địa-vị mà Ngài bình đẳng hóa độ tất cả. Ngài đã nói ở trong kinh như thế này : « Mặc dù là vị đế-vương hay người cùng khổ, người trí-tuệ, kẻ ngu-si ta không hề quan tâm đến, ta chỉ nhớ nghĩ đến những ai có thiện tâm để gần gũi cứu hộ họ mà thôi ». Đây một bằng chứng : Một hôm trên đường độ sanh Đức Phật bắt gặp anh gánh phân vất gánh gồng bỏ chạy Ngài liền gọi lại nhưng anh kia vẫn cắm đầu vừa chạy vừa trả lời :

— Thưa Ngài ! Thân thể con còn nhớ bần, hơn nữa con là kẻ thuộc giòng Chiên-đà-la đến sợ làm mất sự thanh-tịnh của Ngài.

Đức Phật liền từ nói : « Người cứ đến không cần gì, ở đời không có ai mới sinh ra mà đã đeo sẵn ở trong cổ tay một giây chuyền, hoặc một dấu Thi-ca (dấu quý phái) ở trên trán ».

Nghe lời hiểm có ấy anh kia liền đi tắm rửa sạch sẽ rồi theo Phật về tinh-xá. Nhờ sự độ hóa của Phật và lòng hướng-thiện của anh nên không bao lâu anh chứng quả A-La-Hán.

Một hôm, vua Ba-Tư-Nặc ngự giá đến thăm đức Phật, nhưng thấy trong tinh-xá có anh chàng gánh phân ngày trước liền lui xe trở về và thăm trách Đức Phật. Đoán được thâm ý ấy Đức Phật liền gọi vua Ba-Tư-Nặc đến rồi nói rằng :

— « Nay ta lấy một thí dụ : một người giàu có, ngồi trên vàng bạc, nhưng với một thân hình lở loét, thối tha và một người

bị rơi xuống hầm tiêu nhưng họ đã tự vươn lên tắm rửa sạch sẽ, xoa hương thơm khắp mình, ta hỏi người người thích đến với người nào ? »

Không ngần ngại, vua Ba-Tur-Nặc đáp : « Con thích đến người hương thơm khắp mình ».

— Đạo ta cũng thế, đạo chỉ quý con người biết cải thiện chứ không quý ở hạng phủ một lớp sơn lòe loẹt bên ngoài mà trong lòng đầy cả tham, sân, si và vô vàn tội lỗi. — Lời Đức Phật.

Lúc bấy giờ vua Ba-Tur-Nặc thấu nhận được đạo Phật là đạo bình đẳng, đạo quý sự cải thiện của con người cho nên bao nhiêu thành kiến phân rẽ giai cấp ở trong lòng phút chốc tiêu tan.

Sự hóa độ của đức Phật không những chỉ bình đẳng giữa người với người mà còn bình đẳng giữa người với muôn vật nữa, chứ không phải như những kẻ khác ngây ngô lầm tưởng con người là tối linh hơn muôn vật rồi ra tay tàn hại không chút thương tâm.

Sở dĩ đức Phật bình đẳng như vậy, vì theo Ngài thì tất cả muôn loài tuy có muôn vạn hình thù sai khác, nhưng vẫn đồng chung một bản lĩnh tham sống sợ chết và nhất là đồng có một khả năng thành Phật như nhau cả, — lời than của Ngài sau khi Ngài Thành-đạo ở gốc Bồ-đề đã đề cao điểm ấy.

Tất cả lời nói, hành động cho chí ý-nghĩ của đời đức Phật quả là một đời phục vụ chân-lý, đề cao mục-dịch cứu khổ nhân-loại chúng sanh. Bởi thế cho nên nhân loại chúng-sanh ngưỡng mộ và ghi ân Ngài. Và như thế thì ai dám bảo đạo Phật là đạo yếm thế cầu nhàn. Phải lắm ! « Đạo Phật đến đâu là hòa-bình đến đó ». Chính các nước lấy Phật-giáo làm quốc-giáo như : Tích-lan, Miến-điện, Cao-mên... là những nước có thể gọi là hòa-bình nhất trong khi mọi nơi khác người ta tranh nhau từng mảnh đất nhỏ với những danh từ trống rỗng bên ngoài. Và, hiện rải rác trên khắp thế-giới đã có hơn năm trăm triệu người — một phần ba nhân loại — tự xưng mình là đệ-tử trung-kiên của đức Phật bên cạnh hội Phật-giáo thế-giới. Và cũng vì thế mà ngày

Thành-đạo của Đức Phật hôm nay hay ngày Khánh-Đản trước đây (Mồng Tám tháng Tư) dầu ai vô tình hoặc cố ý cũng không thể xóa mờ được trên trang sử cũng như trong lòng Phật-tử chúng ta.

Vậy trong giờ phút trang-nghiêm thanh-tĩnh này chúng ta tự thấy kết hoa, xông-hương, đốt đèn... chưa đủ để đáp lại công ơn sâu rộng của đức Phật mà chúng ta phải :

— Đốt nén tâm hương, vân lòng chí thành phát nguyện trung thành với lý tưởng ; đồng thời liên-kết nhau lại để có bạn đường trong việc tu học Phật-pháp hoán cải tư thân, xây dựng hạnh-phúc gia-đình và làm cơ sở cho cuộc sống thanh-bình của xã-hội. Chúng ta nên biết rằng : Đời chúng ta chỉ là một chấm nhỏ trong giòng sanh-mạng vô tận, vậy đừng bao giờ vì bản ngã nhỏ hẹp chút lợi cón con, hoặc tất cả những gì giả-hiệu bên ngoài quyến rũ mà quên mất lý-tưởng cao đẹp, tạo ra vô vàn tội lỗi để mãi mãi đắm chìm trong ba cõi sáu đường.

— Thứ nữa, để hợp với bản-hoài của đức Phật, là Phật-tử chúng ta phải noi gương các vị tiền bối — như Tịnh-Ái Pháp-sur, Đại-Chí Thuyền-Sur... — bảo vệ chánh-pháp trong lúc pháp nhược ma cường này bằng cách tìm các tiện nghi đem Phật-pháp tung vãi khắp hang cùng ngõ hẻm, làm thế nào từ một người cho đến muôn vạn người đều biết thực-hành Phật-pháp. Là Phật-Tử vô lễ chúng ta đành khoanh tay trước mọi hoàn cảnh khó khăn để bóng tối mịt mờ xéo dày nhân-loại.

Là Phật-Tử nếu thực hiện được hai điểm trên đây thì đó là cách báo ân Đức Phật duy nhất của chúng ta. Vì kinh có câu : « Trong tất cả sự cúng dường chỉ có pháp cúng dường là cao quý hơn cả ! ».

Và được như thế thì ngày lễ Thành-đạo của Đức Phật hôm nay của chúng ta mới có ý nghĩa và giá-trị đời con người chúng ta mới đáng kể.

Trước khi thật hiện chí-nguyện ấy chúng ta cần nhắc lại điểm này cũng không kém phần quang trọng. Nghĩa là chúng ta phải đào luyện cho mình có một đức tin mãnh liệt. Tin

Phật là vị hoàn-toàn giác-ngộ, giáo-pháp của Ngài có đủ năng lực đưa chúng ta và tất cả chúng sanh lên bờ giải-thoát và tin tưởng những vị tu hành chân-chánh có đủ đức hạnh trong việc hướng-dẫn chúng ta.

Tin Phật rồi chúng ta nhất quyết không tin trời đất quỷ thần. Tin Pháp rồi chúng ta nhất quyết không tin những lý-thuyết sai lạc. Tin Tăng rồi chúng ta nhất quyết không tin những bạn bè độc-ác.

Và giữ lòng tin ấy đừng bao giờ phai lạt dù chúng ta gặp phải bao nhiêu chướng ngại của cuộc sống bên ngoài thử thách. Cổ nhân đã nói : « Tin là mẹ đẻ của tất cả các sự thành công ».

Muốn đề ước nguyện được viên-thành ngoài từ lực ra, trong giờ phút làm lễ Thành-Đạo này chúng ta đồng tụng lại danh hiệu của Đức Bồn-Sur ba lần đề mong Ngài mật hộ.

« Nam mô Bồn-Sur Thích-Ca Mâu-Ni Phật »

MINH-LIÊN

NGƯỜI NGU TỰ BIẾT MÌNH NGU, ẤY LÀ
NGƯỜI TRÍ; NGƯỜI TRÍ MÀ TỰ CHO MÌNH
TRÍ ẤY LÀ NGƯỜI NGU LẦM VẬY

Kính Xuất-diệu

MỘT BÚC THU'

Trích nhật-ký của H.T. trong G.T.

BẠN, tôi nếu trên cuộc sống chúng ta chưa vấp phải những thử-thách cam-go thì đừng bao giờ tự hào rằng : mình tài, mình giỏi, mình hay, hơn kẻ khác.

Dưới đây là một đoạn nhật ký của Phật tử tại-gia, viết trong khi phải chống đối với hoàn cảnh gay gắt để sống mà vẫn giữ vững lý-tưởng của mình và gieo gương sáng cho mọi người xung-quanh, vì cảm-phục điểm ấy, nên chúng tôi không ngần ngại trích đăng lên đây để hiển các bạn mặt dù chẳng có gì đặc sắc.

L.T.S.

... Anh viết mấy dòng này để ghi lại trong lịch - sử của đời ta một thời hoa đã nở trong gai góc của cuộc sống.

Dằng-dải gần một năm nay, em đã phải thức khuya dậy sớm, suốt ngày em đã làm lụng luôn tay luôn chân để nuôi cả bảy con. Hoàn cảnh biến thiên đã ảnh-hưởng đến tình cảnh gia-đình và đã nâng em từ địa vị phụ thuộc lên vai chủ-động.

Em đã làm tròn nhiệm-vụ ấy nhưng kể ra cũng chật vật lắm em nhỉ !

Nhiều bữa trưa trời nắng chang chang, em mệt dừ, thế mà cũng xách nón ra đi, để đón mưa cho kịp mỗi hàng. Anh ái ngại quá !

Nhưng có bữa rảnh việc, anh giục em : Đi nghỉ một tý kéo mấy trưa ni nhọc rồi.

— Ngủ sợ quen, lỡ gặp việc lại thêm nhọc. Câu trả lời rần rỏi và chí lý ấy làm cho anh rất cảm động.

Gạo mỗi ngày mỗi thưa, buôn bán ngày càng khó, giá lên xuống không chừng, sinh kế thật chật vật. Má em thóp xuống, mắt em sâu vào và ha bàn tay của em nôi thêm gân xanh.

ANH KHUYÊN EM

— Thôi dọn về ở với mẹ, dầu thế nào cũng khỏi lo chạy gạo.

— Đỡ lo thật, nhưng bố buộc, em muốn sống tự-do, và lại, về nhà quê là nước con cái đau tội.

« Thà chịu cực mà sống tự-do » anh rất cảm-phục tinh-thần ấy, nếu mọi người dân bà Việt-nam đều có một ý-niệm như em, thì lo gì xã-hội không sáng tươi, gia-đình không hòa-thuận? Phải chăng đó là một tinh thần đáng kính do Phật-giáo un đúc nên trong những năm em được sống gần đạo. Anh sung sướng có một người bạn như em.

Anh nghĩ mà thương hại cho nhiều bạn trai của anh, tạm nghỉ việc đã thấy mình bơ-vơ như lạc-lồng trong cuộc đời mới, rồi đâm ra oán hận. Có người đã trách họ: Đáng lẽ có học-thức, họ phải là những luồng điện mạnh để lôi kéo quần chúng, kích thích người ít hiểu biết hơn hăng hái tranh đấu cho cuộc sống tuy gay go nhưng ý nghĩa. Sao họ trở lại thành những bóng đen u-ám, gieo ngờ vực, sầu thảm cho những bạn xung-quanh? Nhưng anh, anh không nổi trách như vậy, anh chỉ cảm thương họ, vì đã khổ sở về vật chất họ còn đau đớn về tinh-thần nữa. Vì thế, anh chỉ mong sao có thể đem lại cho họ những lời an ủi hơn là trách móc.

Thay đổi hoàn-cảnh một cách đột ngột, sao cho khỏi lo lắng khổ buồn, thường tình vẫn thế.

Nhưng những tâm hồn yếu đuối ấy là sản-phẩm của cuộc đời thiếu lý-tưởng và là kết-quả của sự thiếu hiểu biết về định luật Vô-thường.

Vì thế, anh không thể trách họ, anh chỉ cảm thương và tiếc sao Phật-giáo không lưu-thông rộng khắp để cho ai ai, cũng hiểu rõ, in chặt vào tâm-trí những chơn-lý giản-dị: « mọi vật đều biến chuyển theo luật nhơn quả. »

Nếu biết cuộc đời biến chuyển không ngừng thì tất lúc nào cũng sẵn-sàng ứng-phó với thời cuộc và tinh thần chiến đấu sẽ được nâng cao, không bao giờ ngưng-ngắt, lạc lõng mặc dù trò đời không ngọt phở diễn những màu sắc kỳ-ảo. Nếu in trí luật nhơn-quả thì việc gì dợi nước đến chân mới nhảy, không chịu gây nhân lành từ trước.

Nhưng anh đã quá theo đà tư-tưởng của anh mà có lẽ quên sự thật đi chăng? Vì em, em có biết gì những lý ấy, mà em vẫn xoay xở kịp guồng đời.

À anh tìm ra nguyên-ly:

— Chỉ vì em có lòng thương mạnh và ưa sống tự-do.

Tình thương, sức mạnh đã un-đúc bao anh-hùng liệt-nữ, đã tô điểm cho đời hầu hết các bà mẹ thành người trong sự hy-sinh.

Tình thương, tình - hoa của giống hữu - tình: một con vật có lòng thương con nòng-nân, ta cảm mến nó như một người, một người không tình thương ở gần bên ta, ta cảm thấy lạnh như nước đá.

« Không muốn cho con cực » ấy là sức mạnh đã làm cho em đủ sức đạp trên gai đời, làm cho em vẫn sung sướng khi mắt em sâu vào,

má em thóp xuống dưới sức mạnh quá độ của công việc hằng ngày. Không muốn cho các con cực ấy là món gia-vị tinh-thần pha vào cơm mâm của em, làm em thấy ngon lành, nhất là khi em âu-yếm nhìn đàn con ăn chơi dưới mái tranh hòa-thuận.

« Ưa sống tự-do » là động-lực làm cho em được vui tươi trong lúc nóng lạnh của cuộc đời, cũng như lòng thương là hương-vị ướp thơm hạnh-phúc của đời em.

Những ngày qua, anh vui mừng thấy bên ngoài toàn dân cực-lực giành tự-do và khi ấy bên trong em cũng hằng hái tranh đấu cho tự-do ! Tự-do ! tự-do ! Anh gặp nó khắp mọi nơi. Đôi lúc anh cảm nghe một nguồn vui vô hạn, tự thấy mình có điểm - phúc sống trong một hoàn-cảnh đặc-biệt ngày nay.



Chúng ta vừa vượt được một giai - đoạn khó khăn. Nhưng cuộc đời mới sẽ dành cho chúng ta nhiều cuộc phấn đấu khác.

Anh biết không cần cần dặn, nhiều em cũng xoay sở kịp với cuộc đời mới ; cuộc thử lửa vừa qua đã cho anh rõ sức tháo-vát của em. Nhưng anh không muốn em sống một cách miễn cưỡng. Anh muốn em nhận rõ cái đẹp của đời em, hiểu rõ thời cuộc để tiếp nhận cuộc đời mới một cách niềm-nở và lạc-quan hơn...

Chúng ta vui vẻ hát ca dưới ánh mặt trời, nở ngực thờ gió bốn phương nhưng chúng ta lại phải tự mình chống chọi với sóng gió trên biển cả không bờ.

Lại cũng như em sống tự-do khoan - khoái thật, nhưng phải bôn tầu ngược xuôi để nuôi sống gia-đình và phải ra sức chịu đựng mọi phong ba của cuộc đời biến động...

Anh muốn em hiểu trước bước tiến triển của đời em, nếu em không thể giúp cho mau tiến thì ít ra cũng khỏi bị lôi kéo một cách vô tư hay hèn học. Biết trước bước tiến triển của đời và sửa soạn tâm hồn để sống theo nhịp sống chung ấy là bí-quyết cuộc đời vui trẻ.

Em đã luôn luôn lo lắng cho anh được đầy đủ về vật chất, anh nhận thấy có nhiệm-vụ làm sao cho em được mãi mãi khoan - khoái về tinh thần. Vì thế, nhân dịp kỷ-niệm ngày đản-sanh đức Từ-phụ anh viết mấy dòng này trong nhật-ký để tặng em, anh chắc sẽ gây được một ảnh hưởng tốt trong tâm-hồn em.

Anh cầu Phật gia-hộ cho em luôn luôn vui mạnh mẽ làm tròn bổn-phận một người Phật-tử tại-gia trong giai đoạn này.

H. T.

Vài cánh hoa sinh từ đất Phật

Tôi nguyện :

— Đối với tất cả chúng sanh, tôi sẽ làm dịu nỗi đau khổ cho họ.

— Đối với người bệnh tôi là phương thuốc, một y.sĩ, một khán-hộ, mãi cho đến lúc bệnh lành.

— Đối với người đói khổ, tôi là kho tàng vô tận, và lúc nào cũng phục-vụ họ.

Tôi xin hiến mệnh mình hải nầy, dưới sự chuyển chể của mọi sinh-linh. Dù cho họ đánh đập, giày vò hay họ dùng làm đồ chơi, dể bỡn cợt, mỉa-mai đi nữa. Nào tôi có cần gì ! Họ sẽ sử-dụng tôi bằng mọi cách dể lòng họ an vui, khoan-khoái. Không lúc nào tôi thành một nguyên nhân tổn hại cho mọi người. Dù cho họ có giận dữ ác cảm với tôi thì tôi cũng mong rằng điều ấy đã giúp họ đạt mục-đích — tôi còn nguyện cho những kẻ đã vu-cáo tôi, hãm hại tôi, chể nhạo tôi, và cùng mọi người khác tìm được ánh-sáng thiêng-liêng (niết-bàn).

— Đối với những kẻ bị ruồng bỏ, tôi là người che chở, đối với bộ-hành tôi là người hướng-đạo và đối với ai muốn lên bờ giác-ngộ, tôi là thuyền bè, là đường đi, là cầu cống.

— Tôi là ánh-sáng cho người đi đêm, là nỗ lực cho những ai cần đến,

— Tôi sẽ là « ngọc như ý », là bình « ước mơ », là câu thần chú mầu nhiệm, là cây thuốc trừ bệnh cho mọi loài.

Cần phải trau dồi chí tinh tấn : Trí-tuệ có phần vị ở chí tinh-tấn. Thiếu chí tinh tấn không có thể có giá trị tinh-thần.

Thế nào là tinh tấn ? Ấy là lòng can-đảm làm việc thiện. Kẻ thù của nó là những gì ?

Đó là tính lãnh-đạm, thích làm việc ác, tính hèn nhát và lòng tự-ti.



Anh thuộc quyền sở hữu của thần chết, vì rằng anh đã vào sa-ha ra từ lẽ nào anh không hiểu rằng anh hiện đang bước dần vào cõi chết ?

Anh há lại không thấy rằng thần chết đang cướp dần bạn bè của anh ư? Ấy thế mà anh cứ buông mình trong sự lãnh đạm như một con vật hạ đẳng.

Thần chết rình đón anh, và trước anh, mọi nẻo đường đã bế tắc. Làm sao anh có thể thích thú trong khi ăn ngủ, lúc yên đứng được!

Khi thần chết vồ đến, anh mới phá tan tính lãnh đạm nhưng anh còn làm gì được nữa!

Anh nghĩ:

Việc này cần phải làm nữa, việc nọ mới khởi sự, việc kia mới được nửa chừng; nhưng kia! Thần chết đã đột nhiên xuất hiện.

Trong khi ấy, người thân anh thất vọng mắt đầm lệ đỏ hoe. Và cũng lúc ấy, sứ giả thần chết đứng trước mặt anh.



Tự lượng sức mình trước khi hành động. Thà rằng chưa làm còn hơn bỏ dở.

Anh tự nhủ rằng: lúc nào ta cũng chiến thắng, không hề chịu thất bại.

Cứu cánh của hành động là hạnh-phúc, nhưng chưa chắc nó đã đem lại được. Nhưng đối với những kẻ, mà hạnh-phúc gắn liền với hành-động, làm sao họ sung-sướng được khi họ không làm việc.

Nếu anh hành-động vì quyền-lợi của người khác, thì không bao giờ nên kiêu căng, thích chí và mong cầu được đền ơn. Anh chỉ nên có một lòng say mê hạnh-phúc của người.

Anh phải luyện thành tập-quán lòng cầu mong tự-độc khỏi bao nhiêu điều buồn rầu khổ não, cũng như lòng che chở, và lòng tốt đối với người.

Nguyên-lý của hạnh-phúc thế-giới này cũng như mọi thế-giới khác, là hành-động vì hạnh-phúc chung.

Những người không làm thế là chỉ hại mình, và sẽ đền lại bằng những sự đau khổ rùng rợn.

Trích dịch theo quyển Le Bouddhisme của Alexandre David, nơi theo bản dịch Pháp văn.

TOÀN - SIÊU.

CHÚ THÍCH.— a) Ngọc như-ý: viên ngọc mà ai nghĩ đến nó thì sẽ được mọi cái mình muốn.

b) Bình mơ ước: Giá trị như ngọc như-ý.

LÒNG DÙNG-CÀM CỦA nàng Long - Thí

Nhờ phước duyên đời trước hai vợ chồng ông Trưởng - Già Tu-Phước sinh được một người con gái, tên là Long-Thí. Lúc lên 18 tuổi, nàng có một nhan sắc yêu-kieu.

Một hôm, đức Thế-Tôn và các vị đệ-tử đi du-hóa, ánh hào-quang của đức Phật tỏa khắp không-gian, vì thế ngôi nhà của Trưởng-Già Tu-Phước cũng được bao phủ một thứ ánh sáng kỳ-diệu. Bấy giờ Long-Thí đang trang điểm trong một căn phòng lộng lẫy mà ông bà Trưởng-Già đã dành riêng cho nàng. Bỗng một ánh hào-quang xuyên qua mấy lớp cửa kính, chiếu tỏa trên bức rèm tơ cạnh nàng. Vừa ngạc nhiên vừa sợ, nàng tự nghĩ : « Đây, không phải ánh-sáng của mặt trời. Mà ánh mặt trời vào thế nào được chỗ này ? » Long-Thí đứng dậy, theo thang gác nàng đi thẳng lên tầng lầu thứ bảy, quay mặt nhìn về phương đông. Xa xa đức Phật và chúng Tỳ - kheo Tăng đang nhắm tiến về hướng nhà nàng. Nàng vô cùng sung-sướng, vì đã có cơ duyên chiêm ngưỡng oai-dung và cúng dường đấng vô-thượng-giác !

Nàng tự hỏi : « Nhờ công đức gì mà thân tướng của đức Phật tốt đẹp và có ánh sáng kỳ-diệu như vậy ? Phải chăng đó là kết - tinh công đức của nghìn năm tu-tập, là kết-quả của những hành động vị-tha không bờ bến ? ».

Nàng thầm bảo : « Bấy giờ muốn được thân tướng như đức Thế-Tôn không gì hơn là ngay trong cơ-hội này ta nên phát nguyện hành Bồ-tát đạo. Vì nàng thường nghe mẹ nàng nhắc lời Phật dạy : « Ta là Phật đã thành, chúng-sanh là Phật sẽ thành — không có một kết-quả nào không có nguyên-nhân ».



Lúc ấy có một con yêu đồ biết thâm ý và muốn đoạn tuyệt Bồ-đề chủng-tánh của nàng, nó liền trá hình làm thân phụ của Long-Thí và bảo nàng rằng : « Con ơi ! Cha biết ước - vọng của con to tát quá, sợ e thành ảo-vọng thôi con ạ ! Sao thế ? Vì Phật đạo là quả vị cao xa, phải trải qua trăm nghìn kiếp số tinh-tấn thực hành bồ-tát

hạnh mới chứng được. Con nay thân hình bồ liễu chắc không đủ sức chịu đựng mọi nỗi cam-go đắng-đắng ấy đâu. Chỉ bằng may mắn gặp đời có Phật, con nên phát tâm cầu chứng quả A-la-hán sẽ dễ hơn bội phần.

Và lại dù A-la-hán hay Phật cũng chứng niết-bàn và đồng giáo hóa mọi loài được chứng niết-bàn như nhau ; đại gì con lại bỏ việc dễ mà làm việc khó cho nhọc ? Với cử chỉ ung-dung nàng Long-Thí đáp :

« Con xin mạn phép thưa cha mong cha hiểu cho và đừng bảo con là bất hiếu : cha nói thế là lầm lẫn rồi, tại sao ? Vì đức Phật bậc nhất-thế-chúng-trí, là quả vị tối cao tuyệt-đối, đã biết, đã nói và đã làm tất cả những gì đáng làm, đáng biết và đáng nói với mục-dịch độ thoát chúng - sanh.

Còn La-hán tuy là quả vị cao nhất của tiểu-thừa nhưng nếu đem sánh với đức Phật cả về trí cũng như đức, thì chẳng khác nào đem một hạt cát nhỏ so với bãi sa-mạc vô biên. Cha không nghe đức Phật la rầy những đệ-tử có tinh-thần cố chấp quả vị La-hán là « mầm khô giống thối, là vô dụng đối với Phật-pháp đó sao ? Mặc dù sánh với trời và người quả vị ấy không phải thấp. Vì thế, nếu cha bảo con cầu La-hán quả thì khác nào người ngu « gánh củi bỏ vàng ».

Giả phụ con-yêu nói với một giọng tha thiết : « Cha chưa bao giờ nghe Phụ-nữ làm chuyển-luân-vương hưởng gì được làm Phật, chỉ bằng con nên theo lời cha cầu chứng thiên-không Niết-bàn (1) là sung-sướng và dễ - dàng hơn hết. Không những thế mà con còn làm cho cha mẹ được vui lòng nữa. Thôi con hãy nghe lời cha đi ! »

Thưa cha : « chính thế, chính con cũng biết phụ-nữ còn không thể làm chuyển-luân-vương hưởng là làm Phật. Nhưng nay con xin nguyện một niệm tinh-tấn tu hành để cầu chuyển nữ thân này thành thân nam tử. Lại vì lẽ : trong thiên hạ những ai tu hạnh Bồ - tát trải qua trăm nghìn kiếp không thối chuyển, về sau đều thành Phật cả — lời Phật dạy. Vì những lý do ấy nên dù trời nghiêng đất ngã con quyết không đổi ý-niệm đó bao giờ ».

Giả - phụ biết không thể gạt được Long - Thí lòng càng căm tức, liền hối thúc đề kíp lập mưu hại nàng.

Giả-phụ buông lời đường mật : « phàm người tu hạnh Bồ - tát không còn tham luyến thế-gian, không tiếc thân mạng ; nay nếu con thật muốn tinh - tấn tu-hành Bồ - tát, thì hãy từ trên lầu cao nhảy xuống đất, có như vậy mới thành Phật được.

(1) Cảnh giới mà Tiểu-thừa cho là toàn thiện.

Nàng nghĩ : Ta nay được thấy Phật, ưa đạo quả Bồ-tát, lại được cha ta dạy phương pháp tinh - tấn để thành Phật ; vì sao ta còn tiếc nuôi cái thân mong manh này ? Nàng liền đứng trên lan - can lầu vòng tay hướng về đức Phật phát nguyện quy-y và cầu xin Ngài liễu cho nỗi lòng mộ đạo của mình.

Phát nguyện xong, nàng Long-Thí vâng theo lời giả-phụ nhảy xuống lầu một cách hăng-hái. Nhưng lạ thay chưa đến mặt đất Long-Thí đã hóa thành một gã thanh-niên phong-nhã.

Sau mấy phen thất bại và đến đây con yêu kia thấy không thể nào lung lay được chí-nguyện kiên cường của Long-Thí. Nó liền biến mất. Trong lúc ấy đức Phật ở xa cũng vừa đến nơi. Thấy thế Ngài mỉm cười và hỏi các vị đệ-tử : « các người có thấy người phụ-nữ này từ trên cao nhảy xuống mà hóa thành nam tử không ? Các người có biết tại sao mà được thế không ? » Sau mấy phút im lặng đức Thế-Tôn tiếp : « Này các Tỷ-Kheo ! Người hiền nữ ấy ở vô-lượng kiếp về trước đã từng phụng sự hăng sa đức Phật và còn làm người cúng dường cho vô số đức Phật sau này nữa. Nhờ công đức và lòng quả cảm đó, người ấy sẽ thành Phật ở một kiếp không xa hiệu là Danh-Thượng ».

Từ khi chuyển thành nam tử, Long-Thí xin cha mẹ xuất-gia học đạo, chàng tinh-tấn lạ thường trong những công việc vị-tha, nên chẳng bao lâu mà ước-nguyện trước kia của chàng được viên-mãn.

THÍCH CHÁNH - LẠC

THÀ CÓ ĐẠO ĐỨC MÀ CHẾT CÒN HƠN SỐNG
MÀ VÔ ĐẠO

(Kính Thề Hoa)

TÌNH NHÂN LOẠI

Thân tặng cả và Thiên.hạ

H. K.

GỎI về đâu ?

Bao tâm hồn không bến đỗ !
Năng đời chưa hoen ố,
Sao lòng trĩu nặng ý chưa cay ?
Bơ vơ muôn ngả bóng đêm dày.
Ai xây đời trong tưởng tượng ?
Ai dệt đời ngoài muôn hướng ?
Ai than ?
Ai khóc ?
Và ai buồn vì năng đời chưa chớm ?
Tìm ở đâu một buổi sớm,
Cho loài người tắm gội ý tươi xinh !

Hai bàn tay,
Hãy dựng nên tháng ngày ;
Hai bàn chân,
Hãy đi trên đường dài trái đất.
Tình Nhân loại thương nhau,
Ngọt ngào như mật ;
Khắp năm Châu,
Sống trong lòng Từ-bi đức Phật.

A ha !
Đời đẹp như mùa hoa
Ôi, đóa hoa lòng của nhân - loại !
Hoa nở giữa bao la,
Hoa thơm tình thần ái...
Hoa say đời rộng rãi.
Loài người ơi,
Hãy dựng mùa xinh tươi
Từ đây khắp mọi gấm trời
Người người thề quyết không rời tay nhau.
Dù cho lắm cuộc bề dẫu,
Thương nhau không dám làm đau lòng đời.
Đi dẫu, cũng thấy hoa cười,
Đến đâu cũng thấy lòng người mở ra...

HUYỀN-KHÔNG

(Viết tại Di-Linh, ngày đình.chiến. 54)

KHÁI LƯỢC MỤC - ĐÍCH

Toàn bộ giáo-lý của Đức Phật

Muốn thấu triệt tinh-thần giáo-lý, muốn khỏi lầm lạc và chấp phương-tiện làm cứu-kinh. Muốn hiểu rõ Phật-giáo sẽ đưa chúng ta đến đâu, người học Phật cần phải nhận chân kết quả và mục-dịch của toàn bộ Giáo-lý.

Vì thuận hợp với trình độ và căn tánh của chúng - sanh, đức Phật đã thuyết minh vô số phương pháp tu học. Kết quả của sự tu học theo những phương pháp ấy tuy-nhiều, song không ngoài bốn điều sau đây :

I — NHƠN - SANH ĐƯỢC CẢI THIỆN

Nếu thành thật muốn cải thiện cải xã-hội đang lâm vào một tình trạng hỗn loạn đen tối và sắp nguy vong gầy nên bởi con người mê-mờ và độc ác này, không cần phải tìm những pháp mầu nhiệm xa lạ, mà chúng ta chỉ thực-hành theo những giáo-lý sơ bộ trong ngũ-thừa cộng pháp — Giáo - lý căn - bản chung cả năm thừa — như trở về và sống theo đấng Giác-ngộ. Giáo-pháp của Ngài và đoàn-thể Tăng-già sống theo giáo pháp ấy (thọ tam-quy) và tuân giữ theo năm điều răn : không được tàn sát, trộm cướp, bóc-lột, phóng-dăng trái với lễ-liết, dối trá, lừa-đảo, rượu chè say-sưa (tri ngũ-giới). Tự mình thật - hành, khuyến-khích mọi người áp-dụng ngay trong cuộc sống hiện-tại, từ sự ăn ở đối đãi với nhau đến việc giáo-dục, chính-trị trong quốc-gia, ngoài xã-hội thì tự-nhiên những điều thống-khờ, nỗi nguy - vong sẽ giảm bớt và phương lối an-lạc sẽ hiển-hiện.

Tuy các học thuyết tôn - giáo chủ - nghĩa xưa nay vẫn có những điều khả dĩ sung vào công việc cải-thiện này, song ở đây chúng tôi muốn nói đến ngọn sở-trường và có thể gọi là hoàn-bị nhất của Phật-giáo.

Lẽ dĩ nhiên, Phật-giáo không bao giờ phủ-nhận, mà luôn luôn tán thành tất cả những cái gì hay, đẹp và lợi ích của các học-thuyết, tôn-giáo có tâm trong công việc này.

Cho nên « cải thiện nhân-sanh » là mục-dịch đầu tiên phải thực-hiện của người học Phật và « nhân - sanh được cải thiện » là kết-quả thứ nhất của toàn-bộ giáo-lý.

II — ĐỜI SAU ĐƯỢC THẮNG - TẮN

Đối với đời sống hiện tại thì như vậy, nhưng cuộc sống tương-lai thì phải thế nào ?

— Trên giòng sanh mạng vô-tận, trong sự thay đổi từng giai đoạn sanh-mạng này qua giai đoạn sanh mạng khác, nhưng quả báo an vui tốt đẹp hay đau đày, khổ sở đều do nghiệp-lực làm chủ-động. Vì thế, khi chưa chứng được Thành-quả, chúng ta đều phải sanh-tử luân-hồi trong lục-đạo. Cho nên không chỉ cải-thiện cuộc sống để được sống an lành trong hiện-tại mà còn phải làm sao cho đời sống tương-lai được tiến hóa trên con đường đạo-dức chi-thiện. Muốn thế phải thực hành theo mười điều thiện. Tôn trọng sự sống tài-sản và hạnh-phúc gia-đình của kẻ khác ; nói những lời chơn thật, minh chánh, hòa-giải, êm-ái ; nhớ nghĩ sự từ-bi, tri-tuệ, bố-thí và tu tập các pháp thuyền-định thì sẽ được sanh lên thiên-giới, có một thân thể tốt đẹp, trang-nghiêm, sống trong cảnh-giới an - lành sung - sướng. Nếu tu theo pháp môn Tịnh-độ thì ngoài tự lực còn nhờ Phật-lực, sau khi chết sẽ được vãng-sanh Tịnh-độ. Tuy chưa thành Phật song vẫn được trang-nghiêm nơi y-báo và chánh-báo, không sa-đọa ác-thú, thoát ngoài vòng đau khổ của nhân-loại.

Những tôn-giáo cao đẳng trong thế-gian đều gồm trong mục-dịch thứ hai này.

Đây là kết-quả thứ hai của toàn bộ giáo-lý và là mục-dịch của những người tu theo thiên-thừa và pháp môn Tịnh độ.

III — GIẢI - THOÁT SANH TỬ

Chỉ cầu cho đời sau được thắng-tấn chưa phải toàn thiện. Vì đời là cuộc thay đổi biến-chuyển : Sự vật trong vũ-trụ đều phải trải qua bốn thời kỳ : thành, trụ, hoại, không. Dầu cho được sanh lên các cõi trời cao nhất cũng vẫn còn phải sanh tử luân-hồi và khi phước đức hết cũng phải đọa-lạc tam-đồ ác-thú, nên người học Phật không chịu sống yên trong ba cõi — dục, sắc, vô-sắc giới — mà luôn luôn cầu giải-thoát sanh tử, bằng cách tu theo đạo-lý Tứ-đế : đoạn trừ tập-nhân để khỏi chịu khổ-quả, thực hành Đạo-đế để được sống trong an vui thanh tịnh của Niết-bàn diệt-đế.

Đó là kết-quả thứ ba của toàn bộ giáo-lý và là mục-đích của hệ-thống giáo-lý nhị-thừa : Thanh-văn và Duyên-giác.

IV — GIÁC - NGỘ HOÀN - TOÀN

Chứng được Niết-bán của nhị-thừa tuy đã thiện-mỹ, song chưa phải là kết-quả tuyệt-đích của người học Phật. Vì tập-khí vô-minh vẫn còn, và với chân-lý chưa được hoàn-toàn giác-ngộ. Hơn nữa, đứng trên quan-điểm Đại-thừa, vận-dùng lòng thương rộng-rãi mà quan-sát thì tất cả muôn loài với bản-thân là một, cho nên muôn loài còn sống trong vô-minh, đau khổ thì người Phật-tử không có quyền vui-hưởng sự an-lạc của Niết-bán. Người Phật-tử phát đại-nguyện, biết đau cái đau khổ của chúng-sanh, khổ cái khổ của muôn loài, dù phải trải qua vô lượng kiếp để thực-hành lục-độ. San sẽ những gì của mình có : tài vật hoặc giáo-pháp, giữ gìn kỹ luật để tự lợi và lợi tha, chịu đựng tất cả những gì khó khăn, khổ sở, tinh tấn trên đường chánh thiện, tập trung tư tưởng để đoạn trừ mê vọng phát-triển trí-tuệ để thể-nhập chơn-lý. Không bao giờ nao núng, chán nản ý mong giác - ngộ hoàn - toàn cứu độ quần-sanh. Đây là mục-đích cứu-kinh toàn bộ giáo-lý và là kết-quả của những người lập chí cao cả tu học theo giáo - lý đại - thừa.



Bốn điểm trên bao-dung toàn bộ giáo-lý của đức Phật. Ba điểm đầu là những nấc thang phương-tiện để cho người tu hành dễ đạt đến kết-quả thứ tư và chính kết-quả thứ tư mới là mục-đích cứu-cánh của người học Phật.

Cho nên không chỉ những kẻ bằng lòng sống trong mê-mờ đau khổ, mà ngay những người quá chán-nản khổ của đời chỉ cầu mau chứng Niết-bán để được an-lạc, đức Phật vẫn chưa thừa nhận là người thấu hiểu chơn-lý và làm tròn bổn-phận.

Sau khi thấy rõ mục-đích toàn bộ giáo-lý, người học Phật hãy bắt đầu thực-hiện mục-đích thứ nhất : cải-thiện nhân-sanh và chỉ khi nào đạt được kết-quả thứ tư : Giác-ngộ hoàn-toàn, mới chung kết được bản-nguyện của mình trên đường tu học.

(Phỏng theo Thái-Hư Đại-Sư)

THÍCH - ĐẠI - CHÍ

TRUYỆN NGẮN

TỔ CHIM CHÚP MIẾU

*Thân gửi thầy Thiên-Ân, Minh-Châu,
Trí-Không, Chơn-Trí và thầy Đức-
Tâm để nhớ những ngày chung sống
dưới mái Phật-học-đường Trung-
Việt (Báo-quốc)*

MÃN - GIÁC



Không hiểu chúng từ đâu lại.

Hết đến mùa chư Tăng nhập hạ, chúng lại kéo nhau về đây, xây tổ trên cây bông Dạ-hạp, phía trước bàn thờ Tổ chùa Báo-Quốc. Chúng nó là một đôi chim Chúp-miêu, con trống con mái.

Nhìn đến cái giống chim Chúp-miêu ấy ai thấy mà không thương nhỉ? Mình nó thon-thon, lông lóng mướt như nhung xám nâu; đầu đội mũ trông oai-vệ như những vị quan của thời xưa. Đuôi vừa vừa, không ngắn không dài, dưới đuôi lại thêm màu hồng hoe thắm thắm, làm tăng vẻ duyên-dáng, thơ-ngây.

Ngày khai chung bản đề chư-Tăng cấm-túc, chính là ngày chúng nó bắt đầu làm tổ; chư Tăng lo tu niệm chừng nào chúng nó cũng lo xây dựng cho tổ của nó chừng ấy. Trong những ngày xây dựng, nếu không có đức-tính kiên-nhẫn ở trong lòng chúng nó, chúng ta tin rằng, không tài nào chúng hoàn thành được tổ-ấm, khoan nói đến chuyện đẻ trứng, ấp trứng và tha mồi nuôi con. Vì biết bao nhiêu lo-âu hồi hộp cứ đến xâm-chiếm, quấy rầy chúng mãi không thôi. Lại gì, tổ chim ở đâu thì trẻ con có ngay ở đấy, không thấy chúng nó còn đi kiếm thây, hướng hồ tổ chim nằm ngay trước con mắt thiên-hạ. Mà trong chùa mấy chú đệ tử nhỏ nhỏ không ít. Mắt mấy chú đệ tử thỉnh thoảng mon-men đến xem chừng... nó vẫn an tâm làm việc.

Tổ của nó làm không cao lắm, cũng không thấp lắm, vừa ngang tầm

mắt người muốn xem, như thế cũng đủ không yên rồi ; dùng này nó lại làm ngay bên cạnh đường, nơi lắm người qua lại. Hễ không qua thì thôi, chứ qua, ai cũng ghé mắt nhìn đôi chúp-miêu dễ thương xây tổ, hay khi con chim mái đang ấp. Và không cử-chỉ nào đẹp và thiết-tha hơn, trong những đêm trời mưa gió, ai có duyên ở lại chùa dễ được xem con chim trống đứng trên, ngay chính giữa tổ xòe hai cánh ra để che mưa cho con chim mái nằm ấp ở phía dưới khỏi ướt. Thấy vậy, người ta mới nghĩ ra, ô hay, loài vật mà biết thương nhau đến thế có khác gì loài người đâu, đôi khi loài người phải thua nữa là khác. Hèn gì Phật dạy : « phải thương tất cả loài vật, vì chúng nó chẳng khác gì mình ». Thật là lời dạy của đấng Giác-ngộ. Chúng-sanh mê-mờ làm gì hiểu thấu, trừ khi trực-nhận được thực cảnh.

Chuyện đời nó vậy. Chúng ta không ai có thể giữ kín được một việc gì. Dù có muốn giữ bí mật đi nữa, không sớm thì muộn, tất cả mọi người chung quanh mình sẽ đều biết. Nên câu chuyện tổ chim Chúp-miêu trên, chẳng bao lâu tất cả Phật-tử thanh phố Huế đều hay biết cả. Gặp đến ngày chủ-nhật hay ngày lễ, người ta lại thấy quý ông, quý bà, và nhất là các em thiếu-niên, thiếu-nữ Phật-tử lên chùa lễ Phật, không ai là không đến tìm thăm tổ chim ngộ-nghĩnh kia. Có nhiều em lên xem tổ chim ấy siêng năng hơn là đi thăm quý thầy cố-vấn mình nữa.

Hôm ấy, có một số em xúm lại để xem, tình-cờ có một thầy đi qua và nghe lóm mấy em trầm trồ với nhau :

— Ủ, lạ nhỉ ? Sao mà nó dạn-dĩ thế này, dám đến đây để mà làm tổ !

— Không, làm tổ là một chuyện phụ ; nó đến đây diềm chính là bắt chước quý thầy để tu đó tội bây giờ.

— Ủ, tao nhớ ra rồi, mới tháng trước đây, chú có kể cho tụi tao nghe như thế này : « hôm ấy đức Phật cùng ngài Ca-Điếp và ngài A-Nan đi qua cánh đồng, giữa cánh đồng ấy thời vô-số là chim chóc, gà vịt đương ăn vui-vẻ. Đức Phật đi ngang qua chúng nó vẫn tự nhiên ăn không hay biết gì, Ngài Ca-Điếp và Ngài A-Nan đi hầu sau, trong khi đi chưa đến nơi mà chúng nó đã kêu la, bay chạy tán-loạn. Thấy vậy, ngài A-Nan mới bạch Phật hỏi căn-do, Phật dạy : « Thế-Tôn là người đã từ vô-số kiếp ấy chưa từng giết hại sanh-mạng bất kỳ của một con vật nào ; trái lại các người là người tu hành đã đắc quả rồi, nhưng những sát khí huân-tập trong tâm chưa gội sạch, nên chưa đến mà loài vật đã sợ, tránh xa. » Nghe lời Phật dạy như thế, hai ngài cúi đầu đi theo sau Phật để suy nghĩ...

— Thật vậy, nhờ quý thầy có tu lên chúng nó mới đến đây làm tồ, chứ mà tụi mình xem thử có giống chim nào dám làm tồ như thế này ?



Rồi qua một thời-gian, khi quý thầy xuất-hạ, cũng là khi chim mẹ lẫn chim con, chúng nó đã đủ lông đủ cánh ; mà đã đủ lông đủ cánh, thì nghiệp lực của nó là phải tung bay khắp bốn phương trời. Rồi chỉ để lại cái tồ lạnh trống không, với bao lòng người mong nhớ, và cây bông dạ-hạp còn nguyên với thúng ngày.

Và giờ đây, biết đâu khắp giữa bốn phương trời, những con chim ấy có lý nào lại quên cái tồ xưa, nơi mà chúng đã nường-nấu để trưởng thành. ?

MĂN - GIÁC

Viết tại Di-Linh, trong một chiều nhớ Báo-Quốc

ĐẠO ĐỨC Ở ĐÂU THÌ CỘI PHẬT Ở Đấy

Kính Tứ Thập Nhị-Chương

Những ngày bên chị

Của HOÀI - ANH

Kính tặng chị Hải-Triều. Âm và chị Tâm-Chánh

Em bông hoa nhỏ sớm lìa cành.
Sống đời xô đập cánh mong-manh,
Bốn phương trời đất đâu bờ bến?
Bạc mái đầu khi tóc còn xanh!

Sống trong hoang lạnh cả bốn mùa,
Nghĩa đời đã nhạt ý cay chua
Hương đời tàn trước mùa xanh tóc
Cỏ nội hoa hèn, kiếp gió mưa

.
.
Gió mưa dẫu-dãi nhiều gian khổ
Nhưng dạ trung kiên vẫn sáng ngời.

Rồi một ngày kia em gặp chị,
Chị nhìn yêu dấu gửi tình thương,
Cho em lẽ sống: vui nguồn giác
Trao kiếp cơ hàn lại gió sương.

Những ngày bên chị đẹp nên thơ
Trú mẫn dâng lên ngập bến bờ
Từ đây em quên sầu lữ-thứ thơ
Hết buồn thôi tủi kiếp bơ-vơ

Ài về qua nẻo xa mơ
Cho tôi gửi mấy dòng thơ tới người.

Huế, Tuần ly hương
H. A.

KẸ THÙ CỦA TINH-TẤN

Kính mến tặng thầy Sự
đề ghi nhớ ngày sống với Thầy

Không còn nghi-ngờ gì mà người ta không bảo : Bóng tối là kẻ thù của ánh-sáng ; tà thuyết là kẻ thù của chân-lý. Cũng y như vậy, không cần nói dài giòng người ta cũng biết kẻ thù của tinh-tấn là « giải đãi » (lười nhác).

Đọc mẫu chuyện đạo dưới đây các bạn sẽ thấy :

- Quan-niệm đích xác về định-lý nhân-quả.
- Tai hại của người giải-dãi.
- Lợi ích của tinh-tấn.
- Sức mạnh lời thệ nguyện và giá trị của tinh-thần biết phục thiện ?

Lời dịch giả :

Thuở nọ, Phật thuyết pháp ở tinh xá kỳ-cô bảo các thầy tỳ-kheo :

Hãy siêng năng thật hành chánh đạo, tâm an tịnh, trí sáng suốt, nhờ thế mới có thể giải-thoát được đau khổ.

Bấy giờ có một vị tỳ-kheo sẵn tánh lười biếng, không chịu thật hành theo lời Phật dạy ; cứ ăn no lại vào phòng đóng cửa ngủ-ngủ suốt ngày, cưng quý thân thể và lấy làm khoái-trá lắm, không biết sự chuyển biến vô-thường, cứ mê mờ giải đãi cả ngày lẫn đêm. Đức Phật biết trước vị ấy sau khi chết chắc không tài nào tránh khỏi đọa lạc, liền đích thân đến phòng đánh thức.

Đầy mạnh cánh cửa bước vào, với giọng trầm hùng, Ngài

bảo : « *Dậy, ngủ chi lắm, loài ốc, trai, sò, hến trằm mình trong như bần, chỉ vì bị thân thề mê hoặc !*

Bị quả-báo tổn thương, tâm trí đau khổ ở trong nguy khốn, thế mà vẫn ngủ say !

Say xét sự thật chứ không phóng-túng, bước theo dấu từ-bi, diệt sạch những ý nghĩ xấu, do đó, được giải thoát khỏi lo lắng; đau buồn !

Học hỏi và chánh-kiến càng tăng, ấy là ánh sáng của thế-gian, nên đời sống vĩnh viễn an lạc, không bao giờ sa vào ác đạo.»

Vị Tỳ-kheo lười biếng nghe mấy lời ấy xong liền tỉnh ngộ ; lại thấy đức Phật tự thân hành đến đánh thức mình, nên vừa ân-hận, vừa sợ hãi, liền đứng dậy cung kính đánh lễ.

— Ông có biết đời trước của mình không ? Đức Phật liền từ hỏi.

— Bạch Thế-tôn, vì phiền-não che khuất trí-tuệ nên con không thể biết được.

— Đức Phật liền kể :

Trong thời kỳ đức Phật Duy-vệ ông đã từng xuất-gia tu hành nhưng vì tánh tình biếng nhác, lại ham danh, lợi dễ cung dưỡng thân-thề, không lo thật hành chánh-pháp, ngày tháng ăn chơi, không nghĩ đến vô-thường biến diệt. Vì thế, sau khi chết đọa làm con ốc, kế lại làm con trai, con hến, và cuối cùng làm con một trong gỗ. Những loài này « sanh trong mờ tối, sống trong mờ tối, và chết trong mờ tối », cũng chỉ vì quá cung quý thân mạng, giải đãi sự tu-hành.

Những loài ấy lại rất ham ngủ nghỉ trong tối-tăm, một lần ngủ có hằng chục năm không bao giờ thấy ánh-sáng và hình như chúng cũng cố ý không muốn tìm đến ánh sáng nữa ! Vì cái kiếp của nó chỉ có tài tung-hoành trong bóng tối và chỉ được vinh dự với bóng tối thôi !

Ngày nay quả-báo hết rồi, được làm người tu-hành, tại sao

ông còn sống say chết ngủ không biết vừa đủ thì thôi ? !

Vị Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy như thế, vừa hồ thẹn vừa khiếp sợ, liền sụp lạy đấng Chí-tôn và phát nguyện:

« Từ đây con nguyện tinh-tấn tu-hành trừ bỏ tất cả các tật xấu nề hủ, dù trời nghiêng đất ngửa con quyết không thay đổi chí-hướng bao giờ ».

Rồi từ đó vị Tỳ-kheo ngày đêm nhất quyết làm đúng lời thệ nguyện, nên chẳng cần phải trải qua nhiều tháng năm mà vẫn chứng được đạo.

Và cũng chính vì thế nên dù thời-gian xa xuôi lắm rồi, mà hình ảnh con người « biết phục thiện » ấy vẫn không thể phai mờ được trong thâm tâm của hàng con Phật.

(Phỏng theo kinh Pháp-Cú)

HẢI - TRIỀU

HẠI NGƯỜI THÌ BỊ NGƯỜI HẠI ; GÂY OÁN
THÌ PHẢI MẮC OÁN ; MẮNG NGƯỜI SẼ BỊ
NGƯỜI MẮNG, ĐÁNH NGƯỜI, NGƯỜI SẼ
ĐÁNH LẠI

Kinh Xuất-Diệu

CÂU CHUYỆN NGUYỄN - TỬ

CHÚNG tôi vừa tiếp được bức thư của một độc-giả, kèm theo bài báo dưới đầu đề một việc lạ, tại Banam (Cao-mên) gần như câu chuyện thần-thoại « Một em bé mới có 4 tuổi đã biết nhắc chuyện sanh tiền quá khứ không trượt một may mảy nào ». Cắt trong báo « Cách mạng Quốc-gia » số 72 ra thứ sáu ngày 7.10.55 yêu cầu tòa soạn chúng tôi giải quyết.

Nhận thấy câu chuyện này đã làm thất mất một số người tại thần-kinh, chúng tôi đưa ra đây những lời bàn, căn cứ trên định luật luân hồi của đạo Phật để quý độc giả nhân làm và nếu có ý kiến gì xin góp thêm.

Kính chào Thân mến.

L. T. S.

Ba Nam. Trong tuần nhứt vừa qua, tại chợ Ba-Nam có xảy ra một câu chuyện thật là khúc mắc, ly-kỳ, một em bé vừa lên 4 tuổi, rõ biết sanh trạng sanh tiền quá khứ gần như một câu chuyện thần-thoại, khó tin như các câu chuyện thần-thoại khác. Nhưng đây lại là một sự thật một trăm phần trăm và dân chúng Ba-Nam đang phân vân băn khoăn không ngớt lời miệng.

Nguyễn có một Hoa - kiều dân bang Triều-châu, nhà ở tại Ba-Nam nhà rất khá giả, ngoài sự mua sắm ba chiếc tàu gỗ chạy đưa đồ họ. Đổ còn tạo thêm được nhiều xe đồ rước khách. Đổ có một con trai tên A-Lến, trước đây 8 năm trong khi một chiếc tàu của Đổ chìm tại vòm sông Ba-Nam thì Lến đã chìm tì eo tàu, khi ấy Lến vừa lên 8 tuổi, hai vợ chồng Đổ quá thương con, vì Lến sinh rất ngộ nghĩnh thông minh, nên buồn rầu rất lâu không dứt.

Ngờ đâu bốn năm sau Lến lại sinh gỏi tại một gia đình nọ, cách Ba-Nam không xa tại làng Bé-cham trong khi vừa lên 4 biết nói chọ chọ ít tiếng, trẻ bé nọ lại biết nhắc lại mọi việc lúc sanh tiền lầm bầm cả ngày. Cha mẹ em bé sợ lớn lên em bé không nhìn cha mẹ, nên nghe lời người nấu « huyết chó » cho em ăn để quên hẳn chuyện trước. Nhưng ăn huyết chó cũng vô hiệu-quả vẫn y nhiên hề em bé gặp người thì nói lầm nhảm chuyện sanh tiền kiếp trước.

Lắm khi chơi với trẻ nít đồng trang em lại bảo tên Đổ-Đại-Lến, cha nó có tàu xe đủ thứ, không hề khinh khi, nếu cãi lời nó sẽ mót ba nó đánh v. v. . .

Câu chuyện quái dị nói trên đã đồn đại đến tai họ Đổ, vợ Đổ tức khắc tìm đến nơi xem coi thực hư, thì quả nhiên vừa trông thấy mặt vợ Đổ, em bé liền khóc ré lên đòi theo về với vợ Đổ đến Ba-Nam.



Thấy việc kỳ lạ vợ Đổ liền yêu cầu với cha mẹ em bé cho đem về Ba-Nam thử ra sao.

Khi về tới nhà thì Đổ đã đi khỏi. Em bé trông thấy tấm hình Đổ treo trên vách liền chỉ tay bảo là hình của ba nó. Vợ Đổ cũng lấy làm kỳ dị hơn, nữa liền vào thử lấy tấm hình mà khi nhỏ con y chụp chung với hai vợ chồng và mấy con đưa ra cho em bé và hỏi gạn là ai ai trong hình, thì em bé nọ vẫn chỉ trúng hết không trật một người.

Hiện dân chúng trong chợ Ba-nam đều bảo nhau là hiện tượng kỳ quái chưa từng có từ nào đến giờ, phải chăng trong thời đại nguyên-tử lại nảy sinh ra chuyện nguyên-tử.



Lời bàn. — Không phải một câu chuyện này làm cho dân chúng Ba-Nam và chúng ta thắc mắc mà xưa nay có rất nhiều câu chuyện tương-tợ như thế hoặc đăng tải trên báo chương hoặc dân truyền miệng chúng với nhau, chẳng hạn như câu chuyện cô gái Shadi — Devi ở Ấn-độ mới chín tuổi mà biết chuyện chồng con kiếp trước đã làm cho các nhà bác học thời ấy không sao hiểu nổi, câu chuyện

ấy dưới đầu đề « Un cas de réincarnation » đăng ở báo Le populaire ngày 20-8-36, chuyện nhà nhạc - sĩ ở Pháp đầu thai làm một tên đầy tớ tại Pháp, và những nhân vật thần đồng như Pascal tám tuổi thông giỏi về kỹ hà-học, Bạch Cư Di 5 tuổi đã làm được Đường-thi một cách tài tình, Cam-La Trung-hoa 12 tuổi đã làm Thừa-tướng, Vương Bột 7 tuổi đã sáng tác được một tác phẩm giá trị : quyển « Như Lai thành đạo ký », Nguyễn-Hiền Việt-Nam đậu trạng-nguyên khi 12, tuổi. Mạc-dĩnh-Chi 2 tuổi, đang còn bồng đã đọc được chữ hán v.v. . .

Thật ra đối với nhân sanh rắc rối, vũ trụ bao la, con người với bộ óc bé nhỏ, hạn cuộc không mấy sáng suốt khó mà hiểu nổi những câu chuyện lạ kỳ ấy. Song có một điều đáng phân nân là tại sao chúng ta lại không biết nương vào những định lý của đẳng giác-ngộ đã thuyết minh để suy luận, tìm hiểu.

Sở dĩ chúng ta không hiểu và tin nổi câu chuyện em bé trên là vì chúng ta chưa thông cảm và thấu triệt vấn đề luân-hồi hay chưa tìm được lời giải đáp cho câu hỏi vô cùng gay cấn : « Sau khi chết còn hay mất. »

Muốn thỏa mãn những điều thắc mắc, muốn nhận rõ sự biến chuyển của dòng sanh mạng mà khoa-học không sao giải quyết được, chúng ta phải tinh tường nhận xét trên văn-tự cũng như trên sự thật đã xảy ra với bộ óc vô-tư, không chủ-quan, không thiên-vị.

Sống trong mộng, tâm trí mê man, không nhận chân được sự thật của nhân sanh, phần đông nhân loại đã phát xuất rất nhiều quan niệm sai lầm về vấn đề « chết còn hay mất ». Tuy nhiên nhưng tựu trung chỉ có hai quan niệm sau đây là phổ thông nhất ; chúng ta cần hiểu qua trước khi đi sâu vào sự giải quyết về vấn đề này của Phật-Giáo.

QUAN-NIỆM ĐỘC KIẾP

Theo quan niệm độc kiếp thì con người bắt đầu từ cái nôi và chấm dứt nơi cái mồ. Quan niệm như thế, cho nên đối với câu chuyện khúc mắc trên họ không sao hiểu được. Không hiểu và không tin, điều ấy chẳng nói làm gì, điều đáng nói là quan-

niệm như thế rất có hại cho bản thân và xã hội: giá trị con người sẽ mất hẳn, dễ trụy lạc và độc ác, không cần tu dưỡng và cải-tạo.

Phật-giáo mệnh danh hạng người có quan-niệm này là hạng người đoạn kiến không bao giờ thấy rõ sự thật của nhân-sinh và vũ trụ.

Sự vật — ngay cả xác thể của con người — Không mất hẳn mà chỉ thay đổi hình thể. Vật chất còn không tiêu diệt hẳn huỷ hoại là tâm linh vô cùng linh động. Kết quả của những người có quan-niệm này là phải chịu lấy những điều đau khổ ở hiện tại và tương lai do mình quan niệm và gây nên.

QUAM-NIỆM VĨNH KIẾP

Quan-niệm thứ hai tương đối khá hơn, có đạo đức hơn, song cũng không đúng với sự thật, nhất là với câu chuyện trên vì nó trái ngược với những điều nghĩ-tưởng của những người có quan niệm này. Họ quan-niệm con người chết rồi phần vật-chất tan rã chỉ còn phần linh hồn hoặc được sống mãi mãi trên thiên-đường hay kiếp kiếp ở trong địa-ngục, chứ không thể sanh làm người và các loài khác được. Quan-niệm sự vật một cách cố-định như vậy rất trái với sự thật mà còn trái với lý công-bình, luật nhơn-quả nữa.

Hơn nữa, dầu sanh thiên-đường hay dọa địa-ngục cũng phải có thể xác (hoặc tốt đẹp nhẹ nhàng hoặc xấu xa thô kệch) mới hưởng thụ sự an lạc hay chịu khổ hình được. Phải có thể xác mới có sự sống cụ thể. Mà có thể xác lẫn tinh-thần thì là luân-hồi rồi. Đã nói luân hồi thì không thể hạn cuộc trong hai cõi mà có rất nhiều cõi khác, khác nhau như 6 cõi của Phật-giáo thuyết minh và giòng sanh mạng sẽ liên tục, và tiếp diễn mãi đến vô cùng tận nếu chưa giải thoát và giác-ngộ. Trường hợp sanh làm người lại-của em bé này chứng minh điều đó. Còn nguyên nhân gì làm cho em sanh làm người lại sau đây sẽ bàn đến

QUAN-NIỆM CỦA PHẬT-GIÁO

Sau khi chết còn hay mất? Phật-giáo không bảo mất hẳn, mà cũng không bảo còn đời đời không thay đổi, người Phật-Tử

quan-niệm chết, chỉ là hiện tượng của xác-thân bị tan rã. — như sự tan rã của một bức vách — Nhưng không bao giờ mất hẳn, do đầu lực của nghiệp — sức mạnh của tất cả tác động trên thân, khẩu, ý, trong hiện tại và một phần ở kiếp trước — dẫn dắt đi đầu thai một kiếp khác.

Sự thọ sanh đó đi lên, trong các cõi trời, A-tu-la, người tương-dối sung sướng và hạnh-phúc hơn, đều do tánh chất của nghiệp lành; sự thọ sanh đó đi xuống đọa-lạc trong địa-ngục, sanh vào cảnh giới ngạ-quỷ và sức mạnh phải chịu lắm điều đau khổ, là do tánh chất của nghiệp ác gây nên.

Sở dĩ trong hiện tại, ngay loài người cũng có những sự dị đồng : người giàu, kẻ nghèo, người thông-minh, kẻ tối dạ v.v... là bởi đời sống hiện tại là kết quả của nghiệp nhân của quá khứ. Do đó kết quả đời sau đều do nghiệp-nhân trong hiện tại — Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận những ảnh-hưởng di-truyền và ảnh hưởng của cuộc sống chung quanh trong hiện tại như hoàn cảnh và sự giáo-dục của gia-đình và xã-hội.

Tóm lại, sau khi chết không phải mất hẳn vì tính cách tương-tục của nghiệp, song cũng không phải giữ nguyên bản-vị, vì tánh chất của nghiệp luôn luôn chuyển dịch.

Vì sao Phật-giáo cả quyết với vấn đề này như vậy ? — Theo nhận thức của người Phật-tử căn cứ trên sự thuyết-minh của các đẳng giác-ngộ, thì con người sinh ra không phải do năng lực của thần-linh như các phái thần-giáo, mà cũng không phải là tự nhiên như các nhà khoa-học và nhất là những hạng người duy-vật chủ trương mà chính do nghiệp lực của con người, nghiệp-lực là động cơ duy nhất chi-phối hết thảy, từ sự thọ sinh đến cuộc sống hiện tại, tình-huyết cha mẹ chỉ là những sự phụ thuộc, nghiệp lực mới là sự kiện chính-yếu.

Sinh mạng là một hợp-thể có tương quan mật thiết giữa hai điều kiện : vật chất và tinh thần (sắc và tâm) cho nên nói là duy-tâm duy-vật chỉ là sự hiểu biết thiên lệch của con người mà thôi.

Sắc tâm tuy luôn luôn thay đổi từ giai đoạn sanh mạng này qua giai đoạn sinh mạng khác, song không bao giờ mất

bản như tánh ước của nước, dù là hơi hay nước đá, tánh ước cũng vẫn còn.

TRỞ VỀ VỚI CÂU CHUYỆN NGUYÊN - TỬ

Sau khi trình bày tổng quát đề quý độc giả có một khái niệm về vấn đề « chết còn hay mất » theo sự giải thích của Phật giáo, đến đây chúng tôi đem câu chuyện trên đề cùng quý độc giả tìm hiểu nữa, điềm quan trọng sau đây :

1) Vì sao em A-Lến sanh lại.

Chết đã không phải mất hẳn, chết là một sự thay đổi từng giai đoạn trên giòng sanh-mạng vô tận thì em A-Lến sanh lại là một việc quá hiển-nhiên. Nhưng sanh lại, không phải không có sự thay đổi vì em bé 4 tuổi hiện tại không phải giống hoàn toàn như em A-Lến 8 tuổi đã chết đắm ngày. Rõ rệt nhất là em A-Lến ngày trước là con nhà họ Đỗ mà em bé hiện tại thì sanh ở một gia-đình tại Bécham. Tâm-lý cũng như hình thể không phải là tâm-lý, hình thể của em A-Lến ngày trước.

Nên biết trường hợp tái sanh này rất ít, dù có tái sanh thì con người đời sau không hoàn toàn giống con người đời trước mà có sự thay đổi rất lớn ; giòng sanh mạng tuy liên tục song chuyển biến vô cùng.

2) Tại sao em A-Lến không lên thiên-đường hay dọa địa ngục mà sanh làm người lại ?

Theo định lý nhân quả : gây nhân gì phải chịu hay được quả ấy cho nên em A-Lến dễ sanh làm người lại. Đức Phật dạy : Được thân người là do gìn giữ 5 cấm giới, những điều kiện để sống đúng tư cách một con người. Do đó em bé này kiếp trước đã làm người, hơn vì còn nhỏ em chưa tạo những nghiệp gì quá thiện để được sanh lên các cõi trên mà cũng chưa gây những nghiệp gì ác để phải dọa vào các cõi dưới với tuổi vô tư hồn nhiên của con trẻ, em đã sống theo bản tánh người nên nghiệp gì quá khứ tạo thành một sức mạnh dẫn dắt em A-Lến sanh làm người lại, thường thường hữu tình bị ngoại duyên mà chết chưa mãn thời kỳ thọ báo (người thường gọi là bất đắc kỳ tử) hay lại rất mau chóng trong loài ấy (người, vật v.v...)

3) Tại sao em bé biết được sự sanh tiền quá khứ và nhận được cha mẹ của em ngày trước?

Đối với người thường như chúng ta thì đây là một việc lý kỳ thật, song y cứ vào kinh điển và những điều kinh nghiệm của chúng ta, có thể tìm hiểu như sau đây :

Em A.Lến trước kia là một em bé thông minh đỉnh ngộ khác hơn những đứa bé khác. Hơn nữa và tâm tư còn hồn nhiên chưa bận rộn theo hoàn cảnh bên ngoài em chỉ sống và biết những gì có liên hệ với em thôi (cha mẹ v.v..) vì mới chuyển sanh lại cách một đời nên em dễ nhớ những chuyện cách đó không lâu, và nhất là sự chết của em A.Lến không quá bị đau đớn khổ sở như phần đông đã chịu. Sự chết của em mau chóng và không khác gì một giấc ngủ. Thường thường trước khi đi ngủ không thức thức dậy và trong giấc ngủ êm ái khỏe khoắn thì tỉnh giấc rất sáng suốt và dễ nhớ lại chuyện đã qua.

Trường hợp này tương tự trường hợp của các vị Thần Đồng sự học tập trong hiện tại chỉ là sự nhắc nhở chứ sự hiểu biết và tài nghệ của họ đã sẵn có, đã được rèn luyện ở những kiếp trước, nhất là kiếp gần đây. Có một bộ óc thông minh ở quá khứ cộng thêm một ký ức mãnh liệt nên họ trở nên Thần-Đồng (Đạo lý duy-thức giải minh điều này rất rõ ràng ở phần thuyết minh về chủng tử định lý luận tập và tàng-thức.

Sở dĩ chúng ta không nhớ được kiếp trước như em bé ấy là vì sự chết của ta không được êm ái, gia dĩ hiện tại chúng ta quá bận rộn với bao nhiêu ý nghĩ phức tạp, chạy theo với cảnh vật bên ngoài không có một phút giây yên nghỉ ngay trong hiện đời nếu không lắng lòng hồi tưởng cũng không thể nhớ được những việc làm ngay hôm, trước đừng nói chi đến quá khứ xa xăm.

Song trong khi ấy lại có những kẻ bình tĩnh và tế nhị hơn, họ nhớ cả những việc rất nhỏ nhặt trong thời kỳ thơ ấu. Trên sách vở cũng như sự thật đã có rất nhiều người nhờ tập trung tư-tưởng tu tập thiền định mà thấy được vô số kiếp về trước chứ không phải chỉ có một kiếp mà thôi. Hiện nay các thầy tu huyền bí ở Tây-Tạng và Ấn-độ vẫn làm được việc ấy.

Tóm lại không phải vì chúng ta không thấy không biết mà sự thật không có và câu chuyện em bé này là câu chuyện đặc biệt trong phần đông chúng ta mà thôi.

NHỮNG ĐIỀU ĐÁNG ĐỀ Ý.

Đưa câu chuyện này ra bàn, chủ đích chúng tôi muốn quý độc giả nhận thức được giá trị sanh mạng qua thời gian vì giòng sống là vô tận, chết không phải là hết, đề cố gắng xây dựng giá trị con người ngoài ra hai cực đoan của vật chất vô tri và không-tưởng huyền hoặc.

Hiện tại là nền tảng đề tiến bộ nên phải biết xây dựng cho cuộc sống hiện tại, nhưng tương lai là kết quả, nên không thể không lưu tâm.

Nghệp lực là điều kiện chính chi phối cuộc sống hiện tại và là dẫn phát lực, hoàn thành lực của đời sống tương lai nên cần phải triệt để cải đổi nghiệp lực xấu xa trở thành lực tốt đẹp đề kiếp sống hiện tại được tiến bộ và đời sống ngày mai được an vui.

Tránh hai cực đoan vật dục đưa con người đến chỗ truy lạc, tội ác, không tưởng làm con người yếu đuối không biết xây dựng cho mình, cho người.

KẾT - LUẬN

Tóm lại câu chuyện này không phải là câu chuyện nguyên-tử chỉ xảy ra trong thời đại nguyên-tử mà là một chuyện hiển nhiên đã có từ ngàn xưa và sẽ có mãi mãi. Chính nguyên-tử cũng không phải mới có, mà đã có từ vô thủy song vì người ta chưa phát minh được đó thôi.

Nếu chỉ căn cứ vào sự phân tích của khoa học. lý - thuyết của phái chủ trương độc - kiếp và vĩnh kiếp, thì không sao hiểu rõ được, mà phải dựa theo định-lý luân hồi cũng gọi là luân chuyển hay lưu chuyển của sự vật đức Phật thuyết minh đề loại suy, đề nhận xét thì không có gì là kỳ và khó hiểu cả.

Chúng ta hãy đi sâu giáo-lý của Phật-Đà đề thấu triệt những gì thế-gian không thể thấu triệt, đề thực nghiệm những điều thế gian chưa thể thực nghiệm.

Báo. Quốc, Đông Át-Vị — 2518.

THÍCH THIỆN CHÂU

MỘT DANH-TĂNG NHẬT-BẢN

Trích-dịch trong tập « Nhật-Bản danh-nhân »

Thích Thiên-Ân

Ryokan-Sama (1757-1831) là một nhà sư danh tiếng ở nước Echigo (tỉnh Niidata của Nhật-Bản bây giờ).

Từ xưa, nếu có người hỏi : « Ai là người danh tiếng nhất của nước Echigo » thì ai cũng trả lời : « Ông Uesugi-Kenshin là người danh tiếng nhất ». (Ông này là một đại-tướng có nhiều chiến-công oanh-liệt nhất của Nhật-Bản thời xưa, vào khoảng 1530-1518). Nhưng đến bây giờ, nếu có người hỏi như thế, thì một số rất đông người Nhật đều trả lời : « Ryokan-Sama là người danh tiếng nhất ». Bởi vì nhà đạo-sĩ này góp công rất nhiều vào nền văn-hóa Nhật-Bản bây giờ và vì những hành-hộng siêu-phàm của người đã làm cho dân chúng Nhật tôn sùng, kính-phục.

Thật vậy, Ryokan-Sama là con một gia-đình quý-phái, giàu sang từ nhỏ đến lớn, người được sống trong sự cưng yêu chiều - chuộng của cha mẹ, và trong sự đầy đủ tất cả những lạc-thú ở đời của một quý-tộc ngày xưa. Tuy thế, người vẫn không đắm say vào một cái gì. Đến tuổi 18, lúc biết nhìn sâu vào cuộc đời, thì cuộc đời diễn ra trước mắt người đầy cả chông gai và hiểm họa. Người quyết đi tìm một con đường để cải-tạo, xây-dựng lại cuộc đời. Vì thế, người xin cha mẹ đi xuất-gia tìm đạo. Mặc dù thương tiếc, nhưng vì đã rõ được ý - định của con, nên bắt buộc cha mẹ người phải bằng lòng. Người được toại-nguyện và nhập đạo tu hành ở chùa Quang-chiếu, thuộc về phái Thiền-tôn. Từ đây, đời người đã chuyển-hướng : từ cuộc đời của một thanh-niên quý-Phái, bước qua đời của một đạo-sĩ tu-hành.

Sau khi đã làm lễ xuất-gia xong, trải qua năm năm, Người hết sức chuyên-cần tu niệm và học hỏi tại chùa Quang-Chiếu. Nhưng về sau, lúc 22 tuổi, vì nghe ở huyện Tamashima, tỉnh Dikchyu (tỉnh Okayama bây giờ) có một nhà sư hiệu là Quốc-Tiên thiền-sư, trụ-trì chùa Viên-thông, đạo-lực cao-thâm, vì thế người xin phép với Bồn-sư đến đó cầu đạo. Bồn-sư vui lòng cho phép và người được đến đó tu học trong khoảng mười năm.

Trải qua tất cả 15 năm rèn luyện ở cửa thiền, không những đạo hạnh được sâu dày, mà đến cả học-lực cũng được thông - bác. Người có nét bút tuyệt-diệu, nhất là về thơ, phú, ca-nhạc thì thật xuất chúng, chẳng có người nào sánh kịp. Nhưng điều đáng chú-ý nhất là ở nơi những hành động đẹp đẽ, siêu-phàm của người. Vì thế nhiều sách sử đã chép rằng : « hành-dộng của Ryokan-Sama thật đúng như lời mà đức Phật đã dạy trong các Kinh, Luật ».

Cả tài lẫn đức kiêm toàn như thế, cho nên nếu Ryokan-Sama muốn được một địa-vị nào danh-giá nhất trong Phật - giáo, hay muốn trụ-trì một ngôi chùa nào to lớn và đẹp-đẽ nhất đều có thể được, nhưng không, Ryokan-Sama không bao giờ nghĩ đến những việc ấy. Người chỉ muốn chuyên công rèn luyện sự học văn cho được cao sâu, đồng thời trau dồi đức-hạnh cho mỗi ngày một đẹp-đẽ, hoàn-thiện. Đây là nguyện-vọng thiết-tha và duy-nhất của người.

Cũng vì thế, nên một ngày kia người lại xa chùa chiến, thầy bạn và bỏ lại tất cả những gì đã có để lên đường đi theo nguyện-vọng. Từ đây, người sống một cuộc đời không định xứ ; người đã làm một kẻ hành-khất, lang-thang đây đó. Cuộc đời không bận bịu ấy, đã đưa đời người đến chỗ đi xa và thấy rộng. Từ nước này qua nước, khác bất cứ nơi nào hễ có danh-sư là người tìm đến đó để học hỏi.

Mặc dù rách rưới, nhất là lại làm một kẻ hành khất, đi từ chỗ này qua chỗ khác, cho nên ai cũng ngờ vực cho là gian-dối, không dám cho người ngủ lại trong nhà. Có nhiều đêm Ryokan - Sama phải tìm những chỗ vắng, nằm ngủ dưới gốc cây. Thấy thế, nhiều người đã lầm tưởng là kẻ trộm cắp, đánh đập, nguyên rửa chẳng thiếu mớ gì. Người đời ai cũng ghét bỏ người, không ai thương tình bố-thí cho cơm ăn, áo mặc, tiền của cả. Vì thế lắm lúc hai, ba ngày uống nước trong mà tìm Đạo, đó là việc thường của Ryokan - Sama. Tuy thế, Ryokan-Sama vẫn không chút thối chí, nản lòng, người vẫn cương-quyết đi tìm chỗ này qua chỗ khác để tìm danh-sư thiện-hữu.

Trải qua nhiều năm tháng, sống một cuộc đời gian-nan khổ cực như thế để theo đuổi sự học văn. Sau cùng, những chỗ đáng đi, Ryokan-Sama đã đi khắp, vì thế người vui lòng trở về Echigo, nơi đất thân yêu của người.

Mặc dù đã trở về cố quận, nhưng người cũng không chịu trở về chùa cũ và cũng không sống nơi gia-dình hào-phú của người. Người chỉ đi vào trong rúi Kugami, tự mình dựng lên một túp nhà lá nhỏ, sống đơn độc một mình để rèn luyện thêm đức-hạnh và học văn mà thôi.

Ở nước Echigo, nhấ là ở núi người ở, hễ đến thì đông tuyết phủ dày

đặc suốt ngày nên không thể đi đâu được cả. Cũng vì thế, nên từ ngày nọ qua ngày kia, ngoài một ngày hai lần vào rừng kiếm hoa trái đỡ dần cho qua ngày, Ryokan-Sama chỉ chuyên công vào sự tu hành và nghiên-cứu.

Mùa đông với mưa gió bão-bùng đã qua. Lớp tuyết trắng phủ dày trên đất cũng bắt đầu tan rã dưới ánh nắng mặt trời của mùa xuân ấm-áp. Ryokan-Sama không thể ngồi yên để theo dõi học hỏi được, vì thế, người xuống núi. Như một con bướm gặp ngày nắng ấm lượn quanh trên những cánh hoa sắc-sỡ, Ryokan - Sama với y bát cầm tay, ngày ngày ung-dung xuống núi đi từ nhà này qua nhà khác để khát-thực. Tuy nói là khát-thực, nhưng thật ra là người đi thuyết-phép cho từng gia-đình nghe thì đúng hơn. Và mỗi ngày, người vẫn nhận những thức ăn của các nhà dân-tín mới trở về đạo.

Ở đời này, hễ có người tài đức thì bất cứ ở chỗ nào, hay nghèo cực đến đâu, khi người ta biết đến thì họ cũng sinh lòng kính-phục. Đức tánh cùng sự học hiểu của Syokan-Sama đã dần dần được lan rộng, người ta thường nói đến tên người với tất cả những nỗi lòng kính-mến và hâm-mộ. Tuy vậy, người vẫn móng lòng ngã-mạn, khiêm-căng. Vì thế người đời lại càng khâm-phục luyến-mộ hơn. Ngày ngày mọi người với lòng thành kính thường đem thức ăn, đồ mặc đến dâng cúng người. Từ đấy, người không còn khổ cực như trước.

Đi từ chỗ này qua chỗ khác, với ai Ryokan-Sama cũng có thể trở thành một người bạn thân của họ. Bất cứ người giàu sang cao quý đến bậc nào, hay những kẻ hạ-tiện, nghèo-nàn độc ác đến đâu, với ai Ryokan-Sama cũng tìm cách giao-thiệp thân-thiết với họ. Và những người ấy sẽ được người cảm-hóa dần dần đều trở nên những người hiền-lương, đức-hạnh và giàu lòng bác-ái cả.

Không những với loài người, cho đến với các loài thảo mộc, động vật v.v... lòng thương của Ryokan-Sama cũng bủa khắp tất cả. Và tất cả đều là bạn thân của người. Thấy hoa nở, người cũng cười theo với hoa ; nghe chim kêu, người cũng cùng chim hòa giọng ca hát. Vì thế, dù đơn-độc một mình sống trong núi vắng, Ryokan - Sama cũng chẳng cảm thấy buồn rầu hiu-quạnh.



Một đêm kia, vào lúc trăng thu tỏa sáng, có một kẻ trộm lẻn vào nhà Ryokan-Sama. Nhà người vì không khóa cửa gài then, nên kẻ trộm đã lẻn vào được một cách dễ-dàng. Nhưng vào nhà chẳng có vật gì cả, nên dù đã vào, kẻ trộm cũng chẳng biết lấy gì đem đi.

Ryokan-Sama dù biết có kẻ trộm vào nhà, nhưng người vẫn đáp

mền nằm yên lặng, giả vờ như đang say ngủ. Thấy thế, kẻ trộm liền nhẹ cuốn cái mền đang đắp trên mình Ryokan-Sama nà lấy đi. Dù thế, người vẫn bình-tĩnh, giả vờ ngủ say không biết gì.

Thật ra, vì trong nhà không có gì, nên bắc-đắc-dĩ kẻ trộm phải lấy cái mền cũ-kỹ ấy. Vì nghĩ thế, nên Ryokan-Sama giả vờ không biết để kẻ trộm đem mền đi. Nhưng ngặt vì người chỉ có một cái mền đắp thôi, nên sau khi kẻ trộm lấy đi rồi, người cảm thấy rất lạnh. Không thể chịu được cái lạnh buốt của rừng núi, nên chờ khi kẻ trộm đã đi khỏi nhà một đôi xa, người run lên cầm-cập và ngồi dậy tìm đồ sưởi ấm.

Chính trong khi ấy thì xuyên qua khe cửa sồ, ánh trăng thu dội sáng cả phòng. Nhìn thấy ánh trăng trong đẹp ấy, phút chốc người quên được cái lạnh buốt xương, và buột mồm người nói :

« Ô, ánh trăng mới đẹp làm sao ! ».

Vừa nói Ryokan-Sama vừa đứng dậy mở cửa nhìn trăng. Trời trong, mây tạnh. Bốn bề yên-lặng hình như không còn có một tiếng động, trừ những tiếng găm-thét của những con vật ngái ngủ, thịch-thoảng vang dậy trong rừng khuya. Người say-sưa ngắm trăng, quên cả thời-gian và vận-vật. Trong khi ấy tứ thơ dào-dạt tuôn ra, người ứng khẩu làm một bài thơ và đại-ý như sau :

« Kẻ trộm còn chưa lại cho ta một vật báu, đó là ánh trăng xuyên qua cửa sồ. Ánh trăng đẹp huyền-ảo mông-lung. Ánh trăng thơm-tho và ngát-dịu. Trăng là vật vô-giá của trần-gian, vì thế không một kẻ trộm nào lấy đi được. Tôi xin cảm ơn trời đất và vũ-trụ ».

Cuối cùng, vì mê say theo ánh trăng, người quên được cả việc kẻ trộm lấy mền — Cũng như trước đây vì mê say theo ánh Đạo, người đã chẳng ngại-ngùng sương gió. Ryokan-Sama tự thấy sung-sướng, vì đã được thưởng-thức ánh trăng đẹp trong một đêm thu vắng-vẻ ở rừng khuya.



Về sau, lúc tuổi già, vì thân thể yếu gầy không chịu được cái lạnh ở núi rừng, nên Ryokan-Sama phải xuống núi, ở nơi nhà một người đệ-tử thân-tín, thuộc làng Shima Yaki. Một ngày kia, trong khi đi khất-thực người ghé vào hoảng-hóa ở một gia-đình chưa từng quen biết cuối làng. Người chủ của gia-đình này thuộc về hạng phong-lưu quý-phái, không tín-ngưỡng một cái gì. Thấy Ryokan-Sama, ông cho là một người lạ, nên muốn chọc-gheo. Với một vẻ mặt kiêu-hãnh, ông chỉ vào lồng chim treo trước cửa nhà :

« Ryokan-Sama ! Ông nhìn kỹ mà xem. Loại chim này rất hiếm có. Lông óng mượt, tiếng trong thanh ; nhất là khi chúng nó chơi đùa với nhau thì trông thật đẹp mắt, vui tai. Ông ở núi rừng lâu ngày mà đã bao giờ thấy loại chim này chưa ? ».

Nghe nói như thế, Ryokan-Sama liền nhìn vào lồng chim ; những giọt nước mắt cũng từ từ chảy dài trên gò má người. Thấy thế người chủ vội hỏi :

« Ryokan-Sama, vì sao thế ? Vì sao người lại khóc ? ».

Ryokan-Sama vẫn chăm-chú nhìn vào những con chim trong lồng, yên-lặng người không trả lời gì cả. Và càng lâu, nước mắt càng tuôn ra nhiều. Người chủ nhà thấy thế nên rất bực mình.

Ryokan-Sama như không để ý đến nét mặt cau-kinh của người chủ, người yên lặng lấy giấy bút ra, người vội viết mấy giòng chữ, đưa cho người chủ ; cũng trong một thái độ yên - lặng như thế, rồi từ - giả ra về.

Sau khi đưa Ryokan-Sama ra khỏi cửa, người chủ lại càng bực mình hơn, vội-vàng lấy mảnh giấy của Ryokan-Sama ra đọc. Thì ra đó là một bài thơ và đại-ý như sau :

« Đáng thương thay những con chim nhỏ bé này ! Đôi mắt trong xanh cùng lông cánh óng mượt của chúng nó bây giờ đã làm vật vui thích cho người đời. Còn đâu những tiếng hót trong thanh, hòa giọng theo gió mai lúc bình-minh vừa bừng sáng ; và còn đâu tiếng gọi đàn về ổ, khi bóng chiều bao phủ ? Thôi xa rồi cả một bầu trời tự-do và cao rộng ! Bây giờ chúng nó bị giam cầm vào chiếc lồng nhỏ hẹp này, đôi khi cũng gượng vui đùa, nhảy nhót, nhưng trong lòng cũng vẫn ấp-ủ một nỗi buồn : nhớ tổ xưa. Tôi cũng thế. Vì tuổi già, thân yếu, nên tôi phải nương-náu vào nhà người, nhưng thỉnh-thoảng cũng buồn nhớ lại ngôi nhà cũ ở trong rừng sâu ».

Đọc đi đọc lại nhiều lần bài thơ ấy, người chủ nhà vụt hiểu :

« À, thôi hiểu rồi. Thì ra mình là người bất-nhân ».

Nói xong câu ấy, người chủ nhà liền vội-vàng đi đến nơi lồng chim và nhẹ-nhàng mở rộng cửa lồng. Đột-nhiên thấy cửa lồng mở rộng chim ái ngại vô cùng, nhưng sau một hồi lưỡng-lự, chim mừng rỡ kêu lên mấy tiếng, rồi vụt cất cánh bay ra khỏi lồng. Chúng nó bay, bay không định hướng...

Nhịp theo cánh chim, tìm người chủ đập mạnh. Người và vật đang chung hòa trong một niềm sung-sướng, bởi những nguồn vui mới lạ. Người chủ tự nhủ thầm :

«Thật đáng thương ! Chúng nó đang vui sống trong bầu trời cao rộng như thế ấy, mà ta nữ giam cầm vào chiếc lồng nhỏ hẹp này để tìm thú vui trong chỗ lá ! Chim cũng có cha mẹ, anh em, nên khi bị bắt xa lìa với những kẻ thân yêu, có lẽ chim cũng buồn thương tủi hận lắm. Thế mà từ trước đến nay, ta không hề hay biết đến. Nhưng hôm nay nhờ Ryokan-Sama giáo-hóa, ta đã hiểu được lý này. Tôi xin cảm ơn Ngài».

Nói xong, người chủ liên quỳ xuống, quay mặt phía Ryokan-Sama vừa đi ra mà tạ tội. Và người tự nguyện rằng : từ đây về sau sẽ không bao giờ bắt chim, nuôi chim nữa.



Ryokan-Sama cứ lần lượt từ người này qua người khác, tùy theo cơ duyên hoàn-cảnh mà giáo-hóa cho họ trở về đường thiện. Cuộc đời của người đã vì sự học-vấn, sự giáo-hóa mà phải gian-nan, lận đận, nhưng cũng chính vì thế mà đức-dộ và tài-năng của người được chôn sâu và tỏa rộng vào lòng dân chúng Nhật-Bản.

Người đã gục trên đường truyền - giáo lúc 75 tuổi, nhưng danh đức của người cho đến ngày nay cũng vẫn được truyền tụng vang lừng...

TOKYO

Hè, 1956

NGƯỜI CÓ HỌC ÍT NHIỀU MÀ TỰ KIÊU, TỰ
ĐẮC THÌ CHẴNG KHÁC GÌ NGƯỜI CẦM ĐUỐC
SÔI SÁNG NGƯỜI MÀ KHÔNG SÔI SÁNG MÌNH.

Kính Ưu-bà-Tác

LÔI SÔNG

của người học - tăng

Thân tặng các thanh-niên Tăng, Ni Việt-Nam

Đ. C.

Đem vấn - đề này ra bàn hôm nay chúng tôi thấy chẳng có gì mới lạ. Trước khi sâu đi vào vấn-đề, chúng tôi xin minh định và giải-thích hai danh-từ **Hội-tăng** và **học-sinh** mà một số người đã hiểu lầm và dùng lộn.

Hai danh-từ ấy tuy có phần tương - tự, song ý nghĩa và sứ-mạng của chúng rất khác nhau. Riêng động-tự « Học » có nghĩa là tự mình cố gắng, thâm nhận sự dạy bảo chỉ vẽ của kẻ khác. Hai chữ học đồng nghĩa. Nhưng để chỉ cho những người theo học các ngành khoa-học, văn-chương ở đời thì gọi là **học-sinh**, mà đối với những người xuất-gia tu-học trong các trường Phật-học thì nên dùng chữ **học-tăng** mới đúng. Nơi đây hơi rắc rối một tí, phải hiểu rõ chữ Tăng mới nhận thấy chỗ sai khác ấy.

Tăng là một đoàn-thể sống một đời sống hòa - hợp trên nguyên-tắc lục-hòa.

Thân hòa đồng ở.

Miệng hòa không cãi

Ý hòa vui-vẻ.

Giới hòa đồng giữ

Kiến hòa đồng hiểu

Lợi hòa đồng phân

Tăng là một trong Tam-bảo, Tăng là những người đại-biêu và gánh vác sứ-mệnh cao quý của Đức Phật. Học-Tăng là những người phát tâm xuất-gia học đạo chánh-giác, cầu thoát ly sanh-tử để giác-ngộ quần sanh, ý-nghĩa và trách-nhiệm nặng nề như vậy, nên « Học-Tăng » quả là một danh-từ rất tôn-nghiêm.

Địa vị cao cả, sứ-mạng thiêng-liêng như thế thì người học Tăng phải có một lối sống đặc-biệt hơn người; đào luyện cho mình có những khả-năng xuất-chúng, những tư-cách thanh-cao để xứng đáng danh-nghĩa ở hiện-tại và làm tròn sứ mạng trong tương lai.

Sau đây là những quan điểm mà người học Tăng cần lưu tâm và cố gắng thật-hiện :

1) Người học Tăng phải rèn luyện cho mình có những trí-năng siêu-việt, khối-óc tinh-vi, lanh lợi dửng như một số người thụ động « hờ-rửa » không suy-luận, không tìm hiểu điều dở lẽ hay thì còn nói chi đến việc cải-tiến, cách-tân cho Phật-giáo sau này.

— Sở dĩ có những hiện-trạng đau buồn trong Phật-giáo làm cho người ngoài chê-bai hủy báng chính bởi những thể-hệ học Tăng đã qua kém phần sáng suốt, thiếu năng-lực duy-trì và phát-triển chơn tinh-thần Phật-giáo.

Ngày nay hoàn-cảnh cũng như sứ-mạng không cho phép người học Tăng yên sống một cách « vô tư » như trước nữa. Học Tăng phải biết cái gì nên phá-hủy bài-trừ, cái gì cần phải tôn-sùng và phát-triển.

2) Người học Tăng phải là người có thân-thể khỏe-mạnh và tinh-thần chịu-dựng.

« Mạnh khỏe là mẹ đẻ của thành-công ». Mang một thân thể gầy gò đau yếu, người học Tăng sẽ không làm được việc gì hết.

Gang thép cứng rắn vì được nhiều lần nung-luyện, muốn có một thân hình chắc chắn dẻo dai, cũng phải tập luyện lâu ngày mới được. Với những kẻ tật bệnh ốm đau chúng ta không

tin họ sẽ gánh vác được việc lớn và nhiều khi còn vì đau ốm mà « Sơ-tâm » phải bị chết non nữa.

Vì vậy, người học Tăng phải chú trọng đến sức khỏe, bằng cách tập thể-dục theo phương pháp hay tự-nhiên (làm việc, đi bộ v.v.)

Muốn hiển mình trong công-việc phục-vụ chánh-pháp, người học Tăng cần phải lành-mạnh trước đã. Thân thể được khỏe mạnh người học Tăng còn cần phải có một tinh-thần chịu đựng nữa. Chịu đựng mọi sự kham-khở, chiến thắng sự quyến rũ của hoàn-cảnh, vui hòa trong công việc. Tinh-thần chịu đựng phải được rèn luyện ngay trong thời kỳ tu-học.

Muốn đeo đuổi sự-nghiệp vĩ-dại, lý-tưởng cao thượng, người học Tăng phải tăng cường nghị-lực, giàu sức phấn-dấu để chống trả với tất cả những trở ngại trên đường tu-học và phụng-sự.

Tinh-thần « chịu-đựng » không thể thiếu trong một người học Tăng lành mạnh.

3) Người học Tăng cần phải cố gắng bồi dưỡng cho mình hoàn-toàn cả hai phương :

« Thật-học » và « Thật-tu ».

Học và tu, người học Tăng phải hoàn toàn. Đó là lẽ đương nhiên. Vì người học Tăng sẽ là người hướng-dẫn cho mọi người trong cuộc sống, là những nhà mô-phạm cho thế-nhân. Với vấn đề học tập ở đây chúng tôi không bàn sâu vào chương trình mà chỉ nhắc lại mục-dích học-tập của người học Tăng. Sơ tâm xuất-gia của người học Tăng là vì cầu đạo quả vô-thượng đề giác-ngộ muôn loài. Cái sơ-tâm cao đẹp như thế nên người học Tăng phải luôn luôn quan-niệm chơn-chính trong sự học-tập của mình. Đừng nghĩ gì khác hơn là học-tập để phụng sự chánh-pháp — Vì lẽ đó, người học Tăng phải đề tâm vào việc nghiên-cứu nội-diễn, một gia-tài giáo-pháp phong-phú của từ-phụ để lại. Muốn làm tròn sứ mạng mà Như-lai đã giao phó, dĩ nhiên người học Tăng phải thông hiểu nội-diễn, còn tất cả các môn

học khác chỉ là phương-tiện phụ-thuộc cho vấn-đề hoàng-dương chánh-pháp mà thôi.

Đừng nghĩ rằng : học nhiều về nội-diễn thì các môn khác không giỏi được. Chúng ta thử hỏi trong thế-gian có ai là người hiểu biết tất cả đâu ? Mỗi người chuyên môn mỗi ngành, mỗi người sở-trưởng mỗi việc... Vậy người xuất-gia thì phải thông hiểu chánh-pháp đã. Nói thế không có ý bảo người học Tăng không nên học ngoại-diễn. Không ! Cứ học, nhưng, phải quan-niệm cho đúng đường đi của mình chứ đừng nên thiên-ý vào một nơi để rồi quên mất bồn-phận thiêng-liêng cao đẹp của mình đã tự chọn.

Vả lại, ngày nay chánh-pháp đã bị hiểu lầm, xuyên-tạc. Muốn phục-hưng để cứu vãn sự suy-tàn đau-dớn và trừ bỏ những sự sai lầm đáng tiếc ấy, Học-Tăng cần phải biến mình thành những cán-bộ trung-kiên trong công việc tu-học và huy-trưng chánh-pháp, đó là một việc khẩn cấp rất quan-hệ đến tiền-đồ Phật-giáo và cũng để đáp lại lòng khát-ngưỡng Pháp-vị của tín-đồ trong hiện-tại.

« Phật-pháp hưng-vong Tăng đồ hữu trách » Người học Tăng phải khắc sâu câu ấy vào lòng.

Còn tu, tu là một vấn-đề cải-tạo dựa trên định-lý huân-tập của tâm-thức nên dù theo pháp-môn nào, người học Tăng cũng cần phải ở vào nơi thuận-tiện cho sự thực-hành hằng ngày và để gần-gũi các bậc thiện-tri-thức. Đừng quan-niệm học, tu hai việc khác nhau hay học đã rồi tu, mà phải tu trong khi học.

Tu là thâm-nghiệm và áp-dụng những điều đã học. Cho nên các trường Phật-học thường đặt trong các tông-lâm tổ-chức có quy-cử, để học Tăng vừa học-tập tu-luyện.

Muốn cho « đoạn-dức » cũng như « trí-dức » song toàn, người học phải khắc kỷ, khuôn mình vào kỷ-luật, sống trong các trường Phật học hay các tông lâm để được lợi-ích nhiều hơn.

Sự thật cho chúng ta thấy : tuổi trẻ ít kinh-nghiệm, thiếu

nghi-lực và phương pháp chiến-đấu v.v... nên nếu ở riêng lẻ, người học Tăng khó mà thật-hiện được mục-đích cao đẹp của mình và nhiều khi còn bị ảnh-hưởng của tục trần-lôi kéo nữa.

Muốn có một đạo-lực kiên-cố người học Tăng cần phải nhớ câu này :

«Hồ ly sơn hồ bại, Tăng ly chúng Tăng tàn».

4) Trí-tuệ và đức-hạnh đầy đủ rồi người học Tăng cần phải luyện cho mình một tinh-thần-biết hy-sinh, trừ bỏ bản-ngã nhỏ-hẹp để thực-hiện chủ-nghĩa lục-hòa mà Tăng-già nêu lên để vui sống.

Luôn luôn người học Tăng phải nhớ mình là một thành phần trong guồng máy đang chạy ; phải biết sống đời sống tập-thể. Đừng vì cá-tính mà làm cho tất cả phải đình-trệ hư nát. Từ việc nhỏ nhất như giữ-gìn kỷ-luật trong chúng, cho đến ra làm việc như hoằng pháp, lợi sanh, bao giờ chúng ta cũng phải quên mình mà nghĩ đến đoàn-thể. Có thế, tự mình mới được lợi ích và Phật-giáo mới được huy hoàng.

Trình bày những quan-diểm trên đây, chúng tôi không có ý gì khác là nhắc lại những lời mà các vị thân — giáo-sư thường dạy để anh em có một khái-niệm về lối sống cao đẹp của người học Tăng.

Ngày mai chánh pháp rạng chói hay lu mờ đều do học-Tăng chúng ta định đoạt từ nay cả.

« Vì chánh-pháp,

Chúng ta phải sống mạnh và sống rộng ».

Phỏng theo Ngài CÙ-ĐÀM ĐẠI-HOÀ

THÍCH - ĐẠI - CHÍ

CHUYỆN ĐẠO

HY SINH

(Viết cho các em)

Ngày xưa, có một người lái buôn nham đức và hiện hậu, một ngày kia, chàng cùng năm người khách khác vượt trùng-dương chèo thuyền qua xứ lạ để mua các thực-phẩm và châu báu. Mua xong, mỗi người đều vui-vẻ dong buồm trở về xứ.

Khi ra đi thì trời quang mây tạnh, gió thuận buồm xuôi, nhưng khi thuyền ra khơi, thì tiết trời bỗng thay đổi, gió quay chiều, từng đám mây đen ùn ùn kéo đến, dần dần lan tỏa khắp cả bầu trời. Những lần chớp rạch từng luồng sóng quần queo giữa vùng trời mây gió. Tiếng sấm vang dậy, mưa ào ào đổ xuống. Gió mỗi phút mỗi mạnh, sóng mỗi lúc mỗi to, tiếng gầm thét dữ dội và nhào lộn như điên cuồng. Chiếc thuyền nhỏ, lên xuống theo với đợt sóng nổi chìm. Được một lúc thì lái gẫy, buồm đứt, chiếc thuyền lao đảo, quay tít mấy vòng như chiếc lá vàng giữa cơn gió lốc. Bỗng bị úp lại và chìm hẳn !...

Cuống quýt hãi-hùng và lo sợ, những người trong thuyền đều bị sóng cuốn ra giữa bể. Trong khi ấy, người lái buôn bám được vào cột buồm, còn năm người bạn đồng hành không bám víu vào đâu được cả, và sắp bị chìm sâu vào đáy bể. Họ kêu cầu rên la rất thảm thiết. Ai đã từng chứng kiến tiếng khóc náo lòng của một kẻ sắp lìa trần mà không động lòng đau xót ? cũng chính vì tiếng khóc ấy đã khơi dậy ở lòng người thương-gia một tình thương vô hạn, một sự hy-sing cao cả mà trừ phi những bậc thánh nhân thì ít người làm được.

Chàng ta quay mũi cột buồm lại, rồi bơi đến vớt từng người một, khi cả năm người bạn đều níu vào cột buồm chàng mới hơi yên lòng, nhưng vì cột buồm nhỏ, không thể chịu đựng được sức nặng của sáu người — kể cả người lái buồm kia nữa, nên bị chìm dần xuống nước. Người lái buồm tự nghĩ : Nếu ta tham sống cứ níu vào cột buồm này, thì không những một mình ta chết mà cả năm người kia cũng không tài nào thoát khỏi. Nếu ta dùng sức mạnh mà gạt bớt một người ra khỏi cột buồm thì có lẽ cứu được thân ta và bốn người kia nữa. Nhưng việc ác đức ấy ta không nỡ và không thể làm ! Chỉ bằng ta hy-sinh ta để cứu những người khốn nạn ấy.

Nghĩ như thế nên người lái buồm thả cột buồm và bị sóng đánh chìm ngấm. Cột buồm bấy giờ được nhẹ bớt, từ từ nổi lên lại. Năm người kia nhờ thế mà được an-toàn, trở về quê hương sum họp với gia-đình họ.

Người lái buồm nhân đức và hiền hậu ấy là tiền thân của đức Phật Thích - Ca Mưu - Ni.



TRỞ VỀ VỚI ÁNH SÁNG

MỘT buổi sáng mùa hè, giải nắng hoa vàng mới chớm lên phơi màu trên những rặng cây xanh của làng mạc. Những cánh hoa phượng đỏ rơi là-tả trên thảm cỏ xanh trông xuyên qua màn nắng hạ. Trên con đường nhỏ xíu chạy quanh-co, Bắc Minh tay xách cặp da đang vội - vấp đi ngang qua một túp lều tranh ẩn mình dưới cây cồ thụ. Thì một giọng hiền dịu từ trong đội ra : Bắc Minh đi đâu đó ?

Bác Minh dừng lại và cắt nón cúi đầu.

— Chào cụ.

Bà cụ trong nhà bước ra với nét mặt hiền từ phúc hậu.

— Bác đi đâu ra bộ gấp gáp thế ?

— Cháu đi đến Khuôn.

— Thông thả đã Bác !

Bà cụ, niềm nở tay cầm bát nước.

— Mời Bác dùng nước, ngồi nghỉ đỡ mệt sẽ đi không vội gì.

Đến đây Bắc Minh không còn có lời đề từ chối với giọng nói hiền hậu và điệu bộ nhã-nhặn của bà cụ. Bắc Minh ngồi lại cầm chiếc nón quạt đề cho qua giờong mỗi-một trong khi mồ-hôi đang nhề-nhại cả mình. Bác chép miệng :

— Thưa cụ, chỉ một mình cụ, có ai giúp việc cho cụ không ?

— Có một cháu trai đã **đồ thành chung**. Cháu giỏi lắm, công việc nhà nhờ cháu cả.

— À Bác đã dùng chỉ chưa ? Mời Bác ở lại dùng cơm với tôi cho vui, chẳng mấy khi.

— Thưa cụ, cháu không nói dối, cháu đã ăn rồi. Giờ đây cháu còn phải đi Khuôn.

— Có điều gì mà Bác e ngại. Cháu ở nhà nấu đồ ăn « tình - tắn » và kỹ lắm, Bác tạm dùng rồi tôi cùng đi với.

Nghe qua lời nói của bà cụ, làm Bắc Minh phải lắng lòng suy-nghĩ trong giây lát, suy-nghĩ câu nói ngộ-ngĩnh và đầy thành-thật. Bác vui-vẻ ngồi lại đề nói chuyện.

-- Thừa cụ, mấy hôm nay cháu không thấy cụ đến khuôn "nghe giảng, có thầy giảng-sư ở Tinh-hội về.

— Thế à ! Tôi không biết chứ ! Tôi thấy bác đi ngang qua đây luôn mà tôi chẳng hiểu. Vậy Bác làm « cổ-văn giáo-ly » của khuôn ?

— Dạ phải, nhưng cháu chỉ có tên suông chứ làm gì ! Đối với giáo lý của đức Phật như nước đại-dương mà chỗ hiểu của cháu chưa được một giọt, cháu đâu dám đảm-dương công việc ấy. Cháu chỉ đi khuyến-thích nhắc-nhủ các Bác. Vì thế không những ngày rằm, mồng một, mà ngoài mấy ngày ấy các Bác đến Khuôn đông lắm. Thêm nữa mấy hôm nay ở Khuôn có Thầy về giảng nên các Bác đến nghe lại đông hơn.

Thừa cụ, mặc dầu các Bác có tuổi-tác nhưng tinh-tấn lắm. Vì thế cháu rất vui sướng trong khi cảm-hóa được người, nên đối với công việc đi của cháu không thấy mỏi mệt. Cháu nhận thấy nói một lời mà làm cho người tin theo rất khó, nhưng một câu nói cũng dễ làm cho mọi người không phục.

— Thế là các Bác đều tinh-tấn, nghĩa là « trong sạch » cả ?

— Thừa không, tinh-tấn không có nghĩa là trong sạch, như người ta gọi nước khi không có cặn đục. Mà tinh-tấn là siêng-năng.

— Vậy siêng-năng làm việc ai cũng gọi là tinh-tấn ? Xin Bác hãy phân-tích cho tôi được hiểu.

— Đây, cháu xin nói qua những lời cháu đã được nghe quý Thầy giảng.

Tinh-tấn là một mặt tinh-thuần tiến tới không xen lộn ác pháp, nó chỉ thuần thiện. Như một người phát nguyện thọ giới, từ đó phải siêng-năng sửa đổi những hành động phi-pháp, những tâm niệm xấu xa, tập sống theo lời Phật dạy, để được xứng đáng một người Phật-tử. Phải thương người cô đơn, giúp người nghèo khổ, không say đắm tham lam nơi trường danh lợi hay cờ bạc say sưa, và chịu đựng được hoàn cảnh ngang trái. Một học-sinh muốn được mảnh văn-bằng phải siêng-năng chăm-chỉ học-hành. Một nhà nông muốn được lúa không thè ngoài sự cố gắng mà có. Cũng như bao nhiêu sự nghiệp ở đời muốn thành-công viên-mãn phải có nghị-lực và sức cố gắng. Như thế đời hay đạo đều cần phải thật hành hạnh tinh-tấn. Chúng ta đã làm một Phật-tử phải áp-dụng hạnh tinh-tấn trong đời sống từ việc lớn đến việc nhỏ, tập tánh cương-quyết chiến-thắng, những tánh xấu-xa làm hoen-ố đời sống để ưu-dúc thêm nghị-lực giữ chặt lấy quyết-định của mình. Phải coi nó như một người bạn thân yêu để nhắc-nhở ta trên đường tu tập.

— Thừa Bác, vậy tinh-tấn và cần-mẫn có khác không ?

— Khác : cần-mẫn cũng là siêng-năng, nhưng sự siêng-năng có khi lạc về mặt ác. Như gắng sức đeo đuổi theo sự tham danh lợi. Ví - dụ một người suốt tháng say đắm trong sòng cờ bạc, mê say trong cuộc tửu sắc, hoặc mưu mô bóc lột của người, thiên phương bách kế để trông được giàu sang, làm những việc ô danh thất hạnh. Như thế cũng gọi là siêng-năng, nhưng khác với tinh-tấn mà cháu đã nói, nó phải thuần thiện kia !

Cháu xin nói thêm : Những ngày mồng một, rằm hoặc ngày vía Phật, cụ đã phát nguyện đi đến chùa lễ Phật, dù gặp người ngăn đón, cụ cũng cương-quyết mạnh dạn siêng-năng đi. Cũng như một người muốn làm một vi giảng-sư phải trải qua nhiều năm tu tập học hành nghiên cứu chứ không phải một hai năm mà được. Ngày xưa các vị Tồ-sư đạt được chí nguyện cố gắng và chí-khí nhẫn-nại ? Đến đây cháu còn nhớ. Đức Phật Thích-Ca, giáo chủ của chúng ta là một nhân vật của lịch-sử tượng trưng cho hạnh tinh-tấn hoàn toàn. Từ khi xuất-gia, tu khổ hạnh 6 năm tu, khổ hạnh 31 ngày thuyền định dưới cây bồ-đề, giáo hóa 49 năm biết bao gian lao thử thách. Trải qua bao sự khổ cực, Ngài vẫn cương quyết tìm đạo để giáo hóa chúng-sinh. Đến nỗi một đêm sự hóa duyên đã hết, đến khi Ngài gần nhập Niết-bàn. Vì lòng đại-bi vô hạn Ngài còn ân cần giảng dạy cuối cùng với các đệ-tử : « Các người hãy tinh-tấn để tự giải-thoát ».

Đến đây Bà Cụ đôi mắt rớm lệ và vẻ mặt trầm tư hình như đã thông cảm trong im lặng hình ảnh một vị giáo chủ đang ẩn hiện đâu đây hiện về trong ký ức. Bà chép miệng. Cao quý thay ! Với giáo pháp thâm thâm huyền diệu và lòng từ-bi vô giá của đức Phật-Đà làm già phải âm-thầm hồ-thẹn tuổi đã muộn màng, vì tham sống trông trường đời tằm-tối. Hôm nay mới tỉnh ngộ để trở về với ánh sáng vô biên thì thời gian còn ngắn ngủi quá !

Hãy vào đây tia sáng nhé ! Hãy xua bóng tối đi, rọi thẳng vào người tôi nhé ! Tôi đang hy-vọng chờ đợi...

Giờ đây ánh nắng không còn gay gắt như ban trưa mà đã dịu bớt đi, vì trời đã đổ về chiều từ lâu, nên lòng người cũng được qua bao nhiêu sự phiền muộn và vui mừng một niềm tin-tưởng vô biên.

Ngày mai ánh bình minh rạng-rỡ, người ấy nguyện cố gắng trở về theo dõi tới mặt trời sáng Chánh-Pháp để quét rửa bao tội lỗi từ lâu, và cùng người lê gót trên nẻo đường chánh đạo đồng sống chung trong ánh đạo vàng giải thoát đầy sáng lạn của đức Phật-Đà.

HỒNG - LIÊN

OANH VŨ CỨU ĐÀN

(Viết cho các em)

NGÀY xưa, bên một sườn núi cao là cụm rừng hoang lá xanh bao phủ độ vài mươi mẫu đất; đây là nơi trú-ngụ của hàng vạn gia-đình hươu, nai và chim chóc.

Một buổi trưa hè, vạn vật như bị liệt-tê dưới sức nóng của những tia lửa mặt trời thiêu đốt. Chim thú uể-oải gần như chết ngắc trong bầu không-khí nặng-nề oi-bức. Tiếp theo đó những ngọn lửa hồng khe-khắc bùng cháy từ góc rừng này qua góc rừng khác. Ngọn lửa độc ác cứ lên cao, lan rộng, bao vây và dồn lùa thú rừng, chim-chóc vào những cụm rừng chưa cháy kịp...

Áo nào thay ! những tiếng kêu la thảm-thiết, tuyệt-vọng vang động một góc trời...

Trước cảnh bi-thương nhìn thấy sự chết-chóc đau đớn của đồng loại, một chiếc chim bé nhỏ trong đàn oanh-vũ vụt bay qua lao khỏi đen nghi ngút làm cho đàn ngạc-nhiên và hoảng sợ...

Thì sau đó vài phút cũng chiếc chim nhỏ bé ấy trở về với một thân hình ướt-đẫm rồi đập mạnh đôi cánh và vung-vãi cho nước tưới vào lửa.

Chiếc oanh vũ ấy bay đi bay lại nhiều lần như thế. Với nắm thân bé nhỏ, với sức lực không bao nhiêu, oanh-vũ một nhòai không bay được nữa. Nhưng một lát sau, người ta thấy oanh-vũ lại làm công việc đã làm...

Cũng khi ấy đứng chơi trên đồi cao, một chủ trại vô-linh trông thấy nghĩa-cử của oanh-vũ động lòng thương xót, đem tàn cầm-phục, bèn sai người nhà ra cứu lửa và kết-quả ngọn lửa bạo-tàn kia bị dập tắt.

Khi lửa đã tàn, thú rừng chim chóc kêu nhau trở về nơi quê hương tổ-ấm, sum-hạp trong cuộc sống an-lành của gia-đình thân mến.

Chim oanh-vũ ấy, là tiền-thân của đức Phật Thích-Ca.

T. C.

MONG ƯỚC

H. T vừa đọc tin-tức Phật-giáo thế-giới thấy rằng : ở Nhật-bản hiện giờ đã có 30 trường Đại-học thuộc Phật-giáo và mỗi trường có trên dưới ba ngàn nam nữ sinh-viên. Trong số sinh-viên ấy Tăng, Ni Phật-giáo đã chiếm với tỷ-số một phần ba của mỗi trường.

Nhìn Phật-giáo nước người rồi ngó lại nước mình, kẻ viết tin này có cảm-tưởng như đang lạc bước giữa sa-mạc Sahara ở Phi-châu vậy. Nhưng đều đáng mừng là nghe đâu rồi đây Tổng Trị sự Giáo-hội Tăng-già và hội Việt-Nam Phật-học Trung-Việt sẽ chung sức chung lòng xây-dựng một Đại-học-đường, làm cơ-quan đào-tạo Tăng tài cho Phật giáo toàn quốc.

Ước gì ý-niệm ấy được thực-hiện một ngày gần đây thì dù H. T tôi có phải đem số tiền xài phí trong những ngày Xuân đề góp vào công việc đó cũng vẫn thấy vui lòng.

Và được thế, thì người đang lạc giữa sa-mạc kia sẽ biến thành một nhân-vật sống trong gia-đình đầm-ấm vậy.

Rất mong ! . . .

H. T.

KỊCH XÁ HỘI

Giữa ngã ba đường

Kịch xảy tại nước Việt-Nam

Nhân vật :

Đức-Truyền, 23 tuổi, thi-sĩ kiêm văn-sĩ.

Hoàng-Hy, thương-gia, 27 tuổi.

Hoàng-Sơn, 32 tuổi, nhà giàu.

Một vị tu-sĩ.

Một người qua đường,

MÀN THỨ NHẤT

Cảnh 1 Hoàng-Sơn và Đức-Truyền...

Màn kéo lên trong một căn phòng sang trọng, xinh xắn. Hoàng-Sơn trong bộ y-phục chỉnh-tề, lẳng bóng, đương ngóng đợi Hoàng-Hy. Đức-Truyền trong bộ cánh tầm thường, ngồi lặng yên hút thuốc, dò mắt mơ màng nhìn theo làn khói thuốc bay trên sà nhà. Mỗi người có một ý nghĩ riêng, một cử chỉ riêng. Giữa bàn ngồi vừa báo chí, sách vở, vừa rượu vừa bánh trông bề bộn.

Hoàng-Sơn đi đi lại lại trong phòng, lâu lâu đưa đồng hồ tay lên xem và nói với vẻ bực tức :

— Ủa ! Đã 8 giờ 30 rồi, sao không thấy bóng thằng Hy lại. Hắn chết đi đâu rồi không biết.

— *Đức-Truyền.* (với vẻ hiền lành) Hoàng-Hy không lại thì thôi, làm gì mà như con ngóng mẹ đi chợ về vậy ? Thôi, cời lốt ra, ở nhà một bữa cũng được. Chơi gì đêm nào cũng kéo người ta đi suốt sáng, liệu đi mãi, ho lao chết mất cả lũ, thiên hạ chẳng có ai thương bọn mình đâu. (Vừa nói vừa đứng dậy, vừa đưa mắt nhìn Hoàng-Sơn rất khiêu-khích).

— *Hoàng-Sơn :* (giận) Nói xem dễ nghe quá : (Nhìn xuống khán giả, nói tiếp) Người ta sống được bao năm, không lo ăn, lo chơi cho

sướng kiếp, chết đi cũng uổng kiếp người. Trời sinh mình ra giàu có đại gì không tiêu pha cho biết đủ mùi đời ? Con nhà văn lại cần phải đi chơi hơn nữa. Đi đề kiếm đề-tài, đề làm thơ, đề viết sách, hiểu chưa ? Có ai mà đại dột như Đức-Truyền thế ? Mới nhập làng ăn chơi vốn vẹn có mấy tháng, chưa chỉ đã sợ mất sức, lo đi ngủ trước gà ! Rõ là người không hiểu nghĩa sống, không biết quý thời - gian. (Kéo ghế ra, ngồi xuống : đưa tay sửa mái tóc và cầm tờ báo giữa bàn đề đọc).

— Đức-Truyền (lại ngồi đối diện, vui vẻ :) Nói chơi đấy. Chưa chi đã giận người ta. Truyền này là ông tổ ăn chơi, ai mà không biết mặt là mới nhập làng. Nhưng đi chơi đâu mới được chứ ? Đi mấy chỗ quen ấy, ngán lắm. Thế nào tối nay cũng tạo cho mình 1 hộp Dolosal đề chích đấy. Bữa nay ghiền nặng lắm rồi. (Hoàng-Sơn nhìn Đức-Truyền với vẻ thương hại, không cau có nữa. Hai bên đối diện nhau cười).

— Hoàng-Sơn : Chương - trình đi chơi, đợi lát nữa Hoà-g - Hy đến sẽ vạch, nhưng thế nào bọn mình cũng phải đến tiệm Bồng-Lai Tiên-Cảnh, vì nghe tối nay có lắm cô đào ngoại quốc vừa trẻ vừa đẹp, sẽ trình bày những vũ-khúc tân-kỳ, đẹp lòng khán giả, và, sau đó, chúc mừng mình sẽ lên xem Bình - Khanh ngủ. Nội trong sáng mai thế nào mình cũng tạo Dolosal cho mà chích, đừng lo. Sao không nói đạo-đức nữa đi ? Dạy ai chứ dạy Sơn này thì xin cảm phiền nằm chèo queo ở nhà một mình vậy. Còn ở giữa đô - thành này là không một đêm nào là mình không đi chơi.

— Đức-Truyền (lấy thêm điều thuốc khác hút và đưa cho Sơn một điều, hai người cùng thắp chung một cây diêm). Thôi mà, mình xin xuống ngựa. Thua ai chứ thua Hoàng-sơn không xấu hổ đâu. Ủ mà, sao giờ này mà không thấy Hoàng-Hy lại, chương quá, hay có chuyện gì lôi thôi chăng ?

Hoàng-Sơn : Giờ này mà nó không đến chắc thế nào cũng có chuyện gì lôi thôi, chứ hẳn có bao giờ đến trễ đâu. Hay bữa nay hẳn trốn 2 đứa mình đề đi riêng. . . Đợi đến 9 giờ mà hẳn không đến thì hai đứa mình đi cũng được.

— Đức-Truyền ngồi yên lặng một chút, và ngâm nhè-nhẹ mấy câu thơ của Xuân-Diệu :

*Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hốt trắng ngần !
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngần.*

Cảnh 2 : Thêm Hoàng-Hy.

Đức-Truyền ngẫm đến câu thứ tư ngoài cửa Hoàng-Hy vừa đến. Hoàng-Hy mặc y-phục sang trọng, đầu chải láng mượt, tay xách cặp da bước vào. Không chào ai cả, Hoàng - Hy nói ngay liền, làm cho hai người kia hơi giật mình :

— Ngẫm thơ gì mà buồn quá sá thể. Đời đã buồn thú vị ruột đi mà còn ngồi than van. Cung-nguyệt có lạnh thì cũng mặc Cung-nguyệt, cũng như tụi mình ở Saigon nóng thì cũng mặc chớ bọn mình, ai dư thì giờ để ngồi than thở. (Đề cặp da xuống bàn, kéo ghế ngồi, rót rượu uống).

— Hoàng-Sơn (nhìn vào mặt Hoàng-Hy) nói : Sao tối nay đến chậm thế ? Trễ mất của người ta hơn nửa giờ. Trễ hơn nửa giờ (dần mạnh) thật là phí của, bắt hai đứa ta đợi thiếu đường mòn con mắt.

— Đức-Truyền hỏi tiếp : Ừ, sao tối nay bận gì mà đến trễ thế, làm mình ngồi đợi buồn, ngẫm thơ chơi giải khuây vậy thôi.

— Hoàng-Hy : Ôi chui chà ! Rõ là đồ ở trong xó nhà, không hay biết gì cả. Nhà bên Khánh - hội vừa cháy chiều nay, có nghe không ? Chả là tụi bây chẳng nghe gì ráo ?

— Đức-Truyền và Hoàng-Sơn đồng gật đầu.

— Đức-Truyền : Nhưng cháy nhà thiên hạ, nghe hay không, điều ấy chẳng ăn thua gì !

Hoàng-Hy : Sao không ăn thua ? Không nhớ mình có vừa gạo bên hay sao ?

— Hoàng-Sơn : Không lý vừa gạo của Hy mà cháy được à ? Nhà xây, vách cao, có lý nào lại cháy ?

— Hoàng-Hy : Chuyện ấy mới động trời chứ ! Nhà mình xây xong, lợp thiếc, thế mà cũng cháy, làm hao mấy trăm ngàn bạc vô ích. Mất đi chơi hơn tháng, thật là uổng của. Thôi, đi chơi cho rồi, ít tiền thì tiêu tiết kiệm lại một chút, cũng được.

Cả ba người đồng đứng dậy, Hoàng-Hy vui vẻ nói :

— Thôi, ông Bờ-Sơn tối nay phải đem tiền đi đề xơ-cua đó, tin trước cho mà biết. Cuối tháng mình lấy tiền phổ sẽ tiêu sang hơn.

— Hoàng-Sơn : Được mà, đừng lo. Mình vừa mới bán mấy mẫu ruộng dưới Mỹ-Tho, sẽ bao suốt tháng nay cũng được. Đợi một chút nghe, đề vào lấy thêm tiền.

Cảnh III : Bớt Hoàng-Sơn vào trong.

Hoàng-Sơn vào nhà trong, chỉ còn lại Đức-Truyền và Hoàng-Hy

đứng tựa ở cửa nhà và nghe Hoàng-Hy nói vọng vào Hoàng-Sơn :

— Được, lấy mau đi ! Nhiều chừng nào hay chừng ấy, khỏi sợ nhiều đấy nghe. À, Truyền này (xây lại nơi Đ. Truyền) vừa rồi đọc báo, thấy họ phê-bình Truyền ghê lắm, Họ nói thơ và truyện của Truyền độ nay lạc-hậu hết ; đề-tài cũ-rích, không có ý thức xây dựng (nói có vẻ chọc tức, mỉa-mai) Ừ, làm thơ làm gì cho mệt xác, thức đêm, suy nghĩ mệt nhọc, in tốn giấy thể rồi còn bị thiên hạ chê, mình lấy làm tủi hổ quá ! Đức-Truyền có xấu hổ không ?

— Đức-Truyền : (bình thần nói :) Ai chê mặc họ, mình chớ là hay, mình thích thú lấy một mình, cũng đủ an ủi rồi.

— Hoàng-Hy : Chính mình độ rầy cũng không thích thơ của Đức-Truyền nữa huống gì thiên hạ. Đức-Truyền nên xoay về hướng khác, đề chớ hợp thời hơn. Thơ bây giờ phải là phụng sự Nhân-sinh chứ ? Thời đại này mà ngồi than Cung-Nguyệt lạnh thì chẳng ai ưa chút nào cả. Truyền nghiệm xem thử mình nói có lý không ?

— Đức-Truyền : Thơ phụng-sự nhân-sinh là phụng-sự thể nào, nó cho nghe thử ?

— Hoàng-Hy : Nhân-sinh người ta ưa uống rượu, ưa ăn nem, ưa uống bia thì phải phụng-sự người ta chứ ! Mấy thứ người ta ưa thì không lo phụng sự, đằng này lại đi phụng-sự một Cung-Nguyệt xa xuôi mà tầm mắt thiên-hạ chẳng bao giờ thấy. Thơ bây giờ phải là : (Nhìn xuống khán giả, ngâm lơ, say sưa theo lời thơ)

*Ta tìm triết-lý trong ly rượu,
Quan-niệm cuộc đời giữa men, bia,
Ngòai kia khát lửa cần chi biết,
Rượu tàn nhạc lịm đề say sưa.*

(Phong-Sơn)

Cảnh IV : Thêm Hoàng-Sơn.

Hoàng-Sơn từ sau bước ra, tay còn nắm cái bóp đựng tiền, vừa cất vào túi quần vừa giục :

— Thôi, đừng nói chuyện tam-phào nữa. Đi đi cho rồi, khinào rảnh sẽ bàn chuyện thơ ; bây giờ thì phải nghĩ đến những hình dáng đẹp, đến nem, đến rượu đã. Cái chi thực tế vẫn hơn, Bao nhiêu cuộc vui đương chờ bọn ta khắp các tiệm. Đi cho rồi.

Hoàng-Hy sửa-soạn lại áo quần cho thẳng. Đức-Truyền hút thêm thuốc. Cả ba người đồng bước ra khỏi nhà. Hoàng-Hy vừa đi vừa nói :

— Rõ là đồ điếc, người ta ngâm mấy câu thơ hay tuyệt trần mà không nghe. Nếu không biết thưởng thức những câu thơ ấy thì ăn nem, uống rượu cũng phí của mà thôi.

Tiếng nói vừa dứt thì ba hình ảnh đã chập chờn trên sân khấu.



MÀN THỨ HAI

Cảnh 1 : Hoàng-Hy, Hoàng-Sơn và Đức-Truyền.

Màn kéo lên vào lúc trời chiều, giữa một ngã ba đường hẻo-lạ. Hoàng-Sơn, Hoàng-Hy và Đức-Truyền trong những y - phục của những kẻ hành-khất, thân thể tiều-tụy, mặt mày hốc-hác, buồn-bã, đói khát. Cả ba đồng ngồi quanh với nhau, đương tìm kẻ sinh-nhai....

Cảm với cảnh trên, Đức - Truyền ngồi yên lặng, nặng nề ngâm hai câu thơ rất thấm thía và chua xót của Vũ-Anh-Khanh :

*Hết ôi ! Trời đất vô cùng rộng,
Biết kiếm đâu ra một mái nhà !*

Cả ba người đồng thông-cảm hai câu thơ mà Đức-Truyền vừa ngâm, bỗng Hoàng-Sơn đứng dậy, nói đồng-dục như ông tướng chỉ huy :

— Thôi, đứng dậy cả đi ! Ngồi than trách, kêu van với ai bây giờ ! (Vừa nói vừa đến đỡ hai người kia cùng đứng dậy) Bao nhiêu nhà lầu, bao nhiêu ruộng đất, bao nhiêu ô-tô, để rồi bây giờ chẳng còn gì cả, biến thành những kẻ đi xin, với hai bàn tay trắng. Giờ đây chỉ còn lại bao nhiêu đói khát, lạnh lẽo và đề cho người đời hắt-húi. Chẳng còn ai thương mến những thằng hành-khất này nữa. Khô quá trời ơi !

(Ba người cùng buồn-bã đứng dậy. Đức-Truyền vì yếu quá, bị nhện dúi ba bốn ngày rồi, nên gượng đứng dậy cứ té quỵ xuống. Hoàng-Sơn và Hoàng-Hy, hai người phải đỡ hai bên, đứng mới vững)

— Hoàng-Sơn (cương-quyết) : Thôi, chúng ta phải tạm chia tay nhau để tìm phương sống chứ ! Đây là « giữa ngã ba đường ». Chúng ta mỗi đứa phải đi một trong ba đường để kiếm ăn. Đức-Truyền đi về hướng Tây, Hoàng-Hy đi về hướng Nam, còn tao, thì tao đi về hướng Đông (nói đến hướng nào thì tay chỉ theo hướng ấy).

— Hoàng-Hy vùng vằng : Không, tao phải đi hướng Đông. vì lối này lắm kẻ từ-tâm và giàu nữa, họ có thể giúp đỡ. Mày đừng có khôn, lường gạt anh em làm chi. Mày đi đâu tao nhất định đi theo cho mà xem.

— *Hoàng-Sơn* : Đi hướng nào cũng thể thôi. Hướng nào cũng đi xin thiên-hạ để kiếm hạt cơm, manh áo. Có sung-sướng gì mà giành nhau ? Nếu đi hướng nào mà tự mình làm lấy mà ăn, khi ấy sẽ giành nhau cho đành.

— *Đức-Truyền* một nhọc : Tao yếu quá, không thể đi một mình được. Đi đâu cho tao đi với thôi. Lạy hai đấng bày.

— *Hoàng-Sơn* giận : Yếu thì bò lết mà đi thành manh, lo gì làm người giúp đỡ. Đi chung với nhau rồi chết đói cả lũ. Ai hơi đâu mà giúp cả ba người trong 1 lần.

Cảnh 2. — Thêm một Vị Tu-Sĩ.

Xa xa, thấp thoáng có 1 vị Tu-Sĩ đi lại, *Đức-Truyền* nói với *Hoàng-Sơn* và *Hoàng-Hy* :

— Hình như có một ông Thầy Tu sắp đến, chúng ta hãy đợi chờ xem Ông có giúp đỡ gì không. Mấy Thầy Từ-Bi lắm mà, không ít thì nhiều, có lý không giúp cho bọn mình đỡ đói đêm nay.

— *Hoàng-Hy* : Ừ, tao thấy rồi. Đứng lại chốc nữa xem thử.

(Sáu con mắt đều hướng về phía Ông Thầy Tu sắp lại).

Vị Tu-Sĩ bước vào, đi khoan thai, hiền hòa, trông rất dễ mến. Vai có mang cái xách da, tay cầm dù đen, đến giữa ba người đương chờ đợi, vì họ tin-tưởng vị Tu-Sĩ ấy sẽ cung cấp cho họ ít nhiều qua cơn đói lạnh.

— *Tu-Sĩ* : A-Di-Đà Phật. Chào các anh. Sao tôi trông các anh có vẻ là hạng người giàu sang cả, lại phải rách rưới, khổ sở như thế này ? Sao giờ này mà còn ngồi ở đây ?

— *Hoàng-Hy* : Thưa Thầy, chúng tôi là hạng giàu có, nhưng lỡ đường đói khát cực khổ, trông mong Thầy vì lòng Từ-Bi, làm phước bố thí cho chúng tôi chút ít để độ nhật.

— *Hoàng-Sơn* tiếp : Thưa Thầy, không giấu gì Thầy, chúng tôi toàn là hạng giàu sang, trí-thức sang trọng cả, nhưng vì ham mê chơi bời quá độ, gặp lúc nước nhà bị xâm-lược chúng tôi cũng không cần hay biết gì cả, chỉ biết ngày đêm trác-táng, tiêu phung phí gia-sản của Cha Ông để lại ; bữa nay đã cùng đường, đành phải lang-thang đi xin hạt cơm thừa của thiên-hạ. Mong Thầy có gì giúp đỡ cho chúng tôi với.

— *Tu-Sĩ* : Thôi, tôi hiểu các anh cả rồi. Có lẽ tôi cùng với các anh có nhân-duyên gì đây nên hôm nay chúng ta lại gặp nhau giữa ngã ba đường. Anh em đừng buồn nữa, ngồi xuống đây, chúng ta sẽ đàm-

dạo với nhau. (Bốn người đồng ngồi xuống, vị Tu-Sĩ nghiêm-trang giảng đạo).

— *Tu-Sĩ* : Anh em đã gặp tôi. không lý tôi nỡ bỏ anh em, và đây là bổng-phận của tôi. Vậy tôi xin đem ra đây một ít gia-sản của tôi để cống-hiến anh em, vì chỉ trong lúc này, những bảo vật này mới cho anh em nhận chân được giá-trị. (Cả ba người đồng mừng rỡ, tin-tưởng ở sự giúp đỡ của vị Tu-Sĩ, yên lặng chờ,...)

— *Tu-sĩ* : Nay các anh em ! (tất cả đồng dạ) trong kinh Phật có dạy như thế này : « Gây nhân gì thì hưởng quả ấy. Nhân quả không bao giờ mất. » Anh em đã gây nhân chơi bời quá độ, không lo nghĩ đến ngày mai, có bao nhiêu tiền bạc đều đem phung - phí. Tiêu những việc không đáng tiêu; làm cho gia-sản mỗi ngày mỗi hao mòn, thân thể mỗi ngày mỗi tiêu-tụy, nên phải bị cái quả ngày hôm nay đói lạnh, cực khổ. Đây là một bài học đích đáng về luật nhân quả của Phật dạy. Anh em đừng nên buồn nản nữa, phải cố gắng với tất cả ý chí muốn sống của mình, để xây dựng lại sự nghiệp. Anh em đừng có nên như con thiêu thân, cứ đâm đầu vào tử-địa mà không hay biết gì cả. Anh em đừng thất vọng, cứ hy-vọng tràn đầy đi, vì con người có thể làm được những gì mà con người muốn. Đến khi có của trở lại rồi, anh em nên thương yêu tất cả mọi người, và chính cả ba anh em đây, khi ấy cũng cần phải đùm bọc lẫn nhau. Ở đời cái gì cũng có thể kiếm ra được. Đói có thể đi xin cơm ăn, lạnh có kẻ cho áo mặc, nhưng tình thương của con người thì thật là khó kiếm lắm. Người ta ích-kỷ lắm, chẳng có ai cho ai một cách rộng rãi bao giờ.

Và nếu như ba anh em muốn sống đúng nhân-cách trong xã-hội loài người, anh em nên quy - y Tam-Bảo và giữ-gìnm năm cấm giới. Năm cấm giới ấy là :

1 — *Không được sát-sinh* : Vì loài người hay loài vật, đều cùng chung một sự sống như nhau ; không nên vì sự sống của mình mà sát hại kẻ khác, trái lại mình cần phải giúp đỡ.

2 — *Không được trộm cắp* : Người ta làm lụng một nhọc mới kiếm của cải, một con người đúng đắn không nên tìm phương tiện để lấy của cải người ta. Và lại, ăn-cắp ăn-kiêu là thói xấu nhất, thói xấu ấy cần phải bỏ đi :

3 — *Không được tà-hạnh* : Tà-hạnh là tánh xấu nhất trong đời nếu anh em có gia - đình rồi thì không nên đi hoang tàn, dăng điếm, làm cho vợ con mình và người khổ thân :

4 — *Không được nói dối* : Ở đời không có gì quý trọng cho bằng lòng chân thật. Vậy anh em nếu sống chung với nhau, nên hết

lòng thành thật đối đãi với nhau, đừng nên đem lời xuyên-xẹo, độc ác làm hại cho nhau, làm cho mọi người sống không an-tâm.

5 — *Không được say sưa* : Rượu là một thứ thuốc rất hay để trị bệnh cho những người biết dùng, trái lại là một thứ thuốc độc giết người cho những kẻ chỉ biết thứ say sưa, đốt cháy tất cả trí - tuệ của con người. Vậy trong 5 điều trên, anh em nên thận trọng,

Nhưng anh em chắc là những người đã kết bạn với nhau, đồng sống đồng chết. Vì vậy anh em nên đem Pháp-Lục-Hòa của hàng Tăng-chúng để áp-dụng vào trong đời sống của anh em. Pháp ấy là :

1 — *Thân hòa đồng ở với nhau* : Đã sống với nhau lẽ tất nhiên là phải hòa-thuận từ hình-thức đến tinh-thần và phải biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau ;

2 — *Miệng hòa không cãi mắng nhau* : Các Thầy ở với nhau dù nhiều hay ít; cũng không cãi mắng lẫn nhau, anh em nên áp - dụng vào đời sống của anh em, đừng có cãi-cọ, mắng nhiếc nhau ;

3 — *Ý hòa đồng vui-vẻ* : Ý nghĩ của các Thầy đều dung hợp với nhau. Vậy anh em cũng nên đồng một ý nghĩ như nhau nếu đó là ý nghĩ hợp lý, không nên vì tự-ái, bảo-thủ lấy ý-tưởng sai lạc của mình, bắt tất cả phải theo mình ;

4 — *Cùng nhau giữ một kỷ luật* : Các Thầy đồng giữ một giới luật như nhau, không vì lớn nhỏ mà phân chia. Nếu anh em trong đời sống hằng ngày nếu có đặt ra kỷ luật gì, nên cùng nhau giữ chung kỷ-luật này. Đừng nên cho mình nhiều tuổi hay ít tuổi mà không giữ như nhau để cho mất hòa-khí chung ;

5. — *Lợi hòa đồng phân chia* : Quý Thầy có lợi-lộc gì đều chia đồng đều, không có chia người nhiều kẻ ít, vì thế nên các Thầy sống với nhau rất hòa-thuận vui vẻ. Quyền lợi là một khí-giói giết nhau. Như anh em hiện bây giờ vì nghèo khổ nên hết sức thương yêu nhau, nhưng đến khi có của, chưa chắc anh em được sung-sướng như bây giờ. Vậy anh em nên cố gắng áp-dụng vào đời sống của anh em.

6. — *Cùng một sự hiểu biết như nhau* : Quý Thầy có điều gì thắc-mắc đều giải bày cho nhau hiểu, để cùng một sự hiểu biết như nhau. Thì trong ba anh em, có người nào hiểu sự gì hay cũng nên chỉ bày lại cho nhau nghe, để cùng chung một sự hiểu biết.

Thôi! Anh em hãy đứng dậy (vừa nói vị Tu-Sĩ vừa mang xách đứng dậy. Ba người kia vẫn ngồi trơ như cũ) Gia-tài tôi chỉ có từng ấy, ngoài ra không có gì hơn, vì tôi là một Tu-Sĩ, sự sống nhờ quanh cả muôn nhà. Vậy tôi đã bố-thí cho anh em nhiều rồi đó. Anh em nên vui-vẻ mà nhận lãnh, đừng buồn. Thôi xin chào ba anh em.

Danh từ Phật - Giáo

I. — Tam thân : Pháp-thân, Báo-thân và Ứng-thân.

II. — Tứ độ : Thường-tịch-quang-độ, Thiết-báo-trang-nghiệm-độ, Phương-tiện-hữu-dư-độ và bốn là Phạm-thánh-đồng-cư-độ.

III. — Nhị thập ngũ hữu : 25 xứ-sở của 25 loài hữu-tình :

1) *Tứ châu* : Nam-thiệm-bộ châu, Đông-thắng-thần châu, Tây-ngưu-hóa châu và Bắc-cu-lô châu. Quả đất chúng ta ở thuộc Nam-thiệm-bộ châu.

2) *Tứ ác-thú* : Địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh và a-tu-la.

3) *Lục-dục-thiên* : Cõi trời Thiên-vương, Đạo-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa-lạc và cõi Tha-hóa tự-tại. Ngoài sáu cõi này còn có cõi Phạm-thiên nữa cũng đều thuộc trong phạm-vi Dục-giới.

4) *Tứ-thuyền-thiên* : Sơ-thuyền, Nhị-thuyền, Tam-thuyền và Tứ-thuyền. Bốn cõi này thuộc Sắc-giới-thiên.

5) *Tứ-không-thiên* : Không-vô-biên xứ-thiên, Thức-vô-biên xứ-thiên, Vô-sở hữu xứ - thiên và Phi-phi-tưởng xứ - thiên. Cộng thêm Vô-tưởng xứ-thiên và cõi Bất-hoàn-thiên (cũng gọi Tịnh-cư-thiên) sáu cõi này thuộc Vô-sắc-giới-thiên.

$4 + 4 + 7 + 4 + 6 = 25$ cõi hay là 25 xứ sở cũng như nhau.

IV. — **Kiến-hoặc** : Kiến-thức mê-lầm, nghĩa là đối với chân-lý nhận thức sai lầm phân biệt điên-đảo, nên bị mê - mờ sai lạc không thấy được sự thật của sự-vật. Vì vậy, kiến-hoặc cũng gọi là « mê lý vô-minh » hay « phân-biệt hoặc » nghĩa là phân, biệt sai.

V. — **Tư-hoặc** : Tư-tưởng sai lầm, nghĩa là mê lầm đối với cảnh sắc, vì không hiểu tính chất vô - thường của sự - vật nên sanh lòng tham đắm cố chấp ; do đó bị cảnh vật chi-phối, lung-lạc. Những sự mê-mờ này không phải mới có trong một đời này mà do nhiều kiếp chúng ta đã gây nên và tích tập lại. Vì thế vừa có thân này là đồng thời có nó kèm theo Nên tư-hoặc cũng gọi là « mê sự vô-nhinh » hay « câu-sanh-hoặc ».

THÍCH CHÁNH - LẠC

CẢNH PHẬT TẠI ẤN-ĐỘ

1') KUSHINAGAR. — Khi gần 80 tuổi, Phật mất tại làng Kushinagar ; người ta gọi là Phật nhập Niết-bàn hay nhập-diệt, trong tỉnh Gorakhpur. Lễ thiêu xác của Phật gọi là trà - tỳ, cử hành rất long-trọng theo hàng vua chúa thời bấy giờ. Tro của xác thân Phật gọi là xá-lợi nghĩa là quý như châu-báu được chia ra làm nhiều phần cho các tín-đồ có danh-vọng và uy-quyền đến dự lễ hỏa-táng. Tro của Phật nhờ công đức của các nhà khảo-cổ tìm ra được tại hai tỉnh PIPRAWA và PESHAWAR. Một cái răng của Phật đã từng để cho tín - đồ chiêm - ngưỡng tại chùa Kandy bên nước Tích-lan.

Sau khi Phật nhập niết-bàn, dân chúng Ấn-độ làm nhiều bảo tháp để thờ tro Phật và nhiều chùa để ghi ơn Phật. Hình bảo tháp thờ tro Phật có hình tròn như nấm mũ rất cao, chung quanh có thành bao bọc bằng đá ; bảo tháp thường xây bằng gạch trên có chóp bằng vàng hoặc bằng đồng đánh bóng.

Phật-pháp thịnh hành ở Ấn-độ gần 600 năm sau khi Phật nhập-diệt. Dân chúng các nước lân-cận Ấn-độ như Tích-lan, Diêm-điện, Thái-lan, Cao-mên, Lào, Tây-tạng, Mông-cổ, Tàu, Nhật-Bản và Việt-Nam tính ra hơn 150.000.000 người đã thành tín-đồ Phật-giáo.

2') LUMBINI. — Như chúng ta đã biết đức Gautama giảng-sinh tại vườn Lumbini hiện thời gọi là Rumindei ở trên đất của nước Népal, Tháng giêng năm 1898 các nhà khảo cổ đã đào được tại đó một cái hòm nhỏ đựng di-hải tro Phật. Trên nắp hòm có khắc câu này : « Đây là di-hải thiêng-liêng của đức Phật, giòng họ Sakya ». Tại vườn Lumbini còn đào được trụ đá đã gãy đôi do vua Asoka dựng lên, đánh dấu Phật địa thiêng-liêng. Cột trụ đá ấy có khắc câu : « Đức Thích - Ca Mưu-Ni Phật giảng - sinh tại đây ! » Sakyamuni nghĩa là đấng Thánh - hiền giòng họ Sakya. Trên trụ đá có chạm hình con ngựa, tượng-

trung sự xuất-gia tu hành của Phật, vào thế-kỷ thứ 7 sau T. C. ngài Trần-Huyền-Trang, Tam-tạng pháp-sư, người Tàu có viếng Lumbini. Khi về nước ngài có chép lại: khi ngài đến viếng chốn chôn nhau cắt rún của Phật có một trụ đá bị gãy đôi trên đầu có trở hình con ngựa.

Về phía đông cách Gorakhpur độ 34 dặm anh, có một bảo tháp dựng lên về phía tây để đánh dấu nơi Phật nhập-diệt. Di-tích các bảo tháp tại đó cho ta biết có cả thảy 6 cái.

Cái thứ nhất làm bằng gạch đứng riêng, cao độ năm mươi bộ anh (đơn vị đo chiều dài 0,3048 mét), có tên gọi là Devasthan. Cái thứ hai nhỏ chỉ còn một đồng gạch về phía tây-nam. Khóm thứ ba gọi là Matha-Kunwar-Ka-Kot, trong đó có một tượng Phật nằm, tạc theo kiểu nhập-diệt. Bảo tháp thứ tư có một tượng Phật ngồi, cũng rất lớn gọi là Matha-Kun-War dựng phía Nam cách Matha-Kun-War-Ka-Kot độ 400 bộ anh. Khóm thứ năm gọi là Bhimawat gồm có nhiều gò cao chung quanh có trường, người ta bảo đó là những nền các nhà-tang và chùa xây trong nhiều thời kỳ khác nhau, vì chung quanh vùng có nhiều dấu đất sét. Người ta đọc được câu này trên một tấm đá: « Tu-viện Đại Niết-Bàn ». Những di-tích này thường được bằng trăm người hành-hương Miến-Điện đến chiêm-ngưỡng.

3) BUDH.GAYA. — Budh-Gaya là nơi đức Gautama thành, đạo đoạn cách thành phố Gaya độ bảy dặm Anh về phía Nam, nằm trên biên-giới vùng Bihar.

Tháp và chùa Budh-Gaya cao độ 180 bộ Anh trên một cái nền vuông rất cao. Ngài Huyền-Trang đã viếng cảnh này về năm 635 sau Kỷ-nguyên. Chùa gồm có tháp lợp ở chính điện chung quanh bốn góc có bốn tháp nhỏ giống hệt tháp lớn.

Khi vào chùa bằng cửa chính thì ta phải chú ý trước nhất là bàn thờ trên ấy có tượng Phật lớn thếp vàng.

Chung quanh chùa còn có hàng rào bằng đá xai h chạm trở công phu làm sau thời vua Asoka. Sau lưng chùa phía tây vẫn còn cây Bồ-đề mà khi xưa Đức Gautama đã ngồi nhập định ở dưới gốc cây cho đến lúc thành Đạo.

Phật-tử hành-hương có thể đi viếng vài cảnh chùa Tây-Tạng,

Tàu, Ấn độ xây chung - quanh đây, trong số đó có một đền thờ thần Shiva của người Bà-La-Môn lập từ năm 1700 và từ khi đó chiếm cứ Bồ-đề Đạo-Tràng, sau đây mới trả lại cho Giáo-Hội-Tăng-Già và chùa được trùng-lu lại.

Gần Bồ-Đề Đạo-Tràng người hành hương có thể đến thăm sông Ni-Liêm nơi Phật tắm.

4) SARNATH. — Bây giờ ta đi đến Sarnath là vườn Lộc gần thành phố Benares (Ba-La-Nại) Lúc bấy giờ là thời vua Brahmadatta, rất thích săn hươu, nai mà ở Sarnath có từng đàn, từng bầy. Loài nai ở rừng ấy sợ cái nạn diệt tộc, chúng mới bàn nhau, theo phiên, mỗi ngày nộp một con thịt cho nhà vua. Ngày kia đến phiên một con hoẵng cái phải nộp mình, nó mới lại trước chúa nai, xin cho hoãn lại vài ngày vì gần đến ngày sanh nai con. Chúa nai rất cảm-động lời của nai cái, nhưng không muốn sai lời hứa, nên tự hy-sinh nộp mình cho nhà vua.

Vua Brahmadatta nghe chuyện này xúc-động lắm cho đến nỗi Vua bỏ lệnh nộp nai và ra lệnh khu vườn Lộc không ai được phép vào săn bắn nữa; từ đó nai, hươu, hoẵng sống một đời sung-sướng và tiêu-dao ngày tháng.

Chính nơi đây ngày xưa Đức Phật đã chọn làm nơi thuyết pháp lần thứ nhất, và cũng chính nơi đây ngài thâu năm người đệ-tử lần đầu tiên.

Năm người đệ-tử này đã bỏ Ngài mà đi nơi khác vì thấy Phật không tu khổ-hạnh được, trước khi ngài thành Đạo. Năm vị định không tiếp Phật; nhưng khi Phật đến gần, năm vị thấy uy-nghi của Phật rất đáng tôn-kính, liền đứng dậy lay chào, và dâng nước đề Ngài, giải khát.

Ngài Pháp-Sur Phồ-Hiền, người Tàu, đã từng đến viếng Sarnath về thế-kỷ thứ 5, thời đó còn nhà tu-viện lớn và bốn bảo tháp chung quanh vườn.

Ngài Huyền-Trang cũng có chép lại, ngài từng gặp trong các tỉnh-xá đó độ 1.500 vị xuất-gia, và mỗi tỉnh-xá cao gần 200 bộ Anh. Bây giờ chỉ còn hai bảo-tháp mà thôi; cái thứ nhất gọi là Dhamekh, cái thứ nhì gọi là Jagat Singh-Stupa, đều đã đổ nát chỉ còn nền nhà.

Các bảo-vật như là tượng Phật, đồ thờ-tự, các bức khuôn

lăng đá chạm trổ tinh-vi đều được sưu-tầm và trưng bày tại viện bảo-tàng Sarnath.

Ở đó người ta sẽ thấy hình đá ba con sư-tử dính nhau đứng trên hoa sen, có bánh xe pháp mà mọi người đều công nhận một kỷ-cống về điêu-khắc. Hình này đứng trên trụ đá do Vua Asoka dựng lên tại Lộc-Uyển để đánh dấu chỗ Phật-địa.

Tại Sarnath còn có chùa Phật do các tín-đồ ba nước Ấn-Độ, Nhật-Bản, Tích-Lan chung tiền làm và do Hội Maha Bodhi đứng ra xây dựng gọi là chùa Malalandhakuti, được nổi tiếng khắp nơi nhờ có ba mươi (32) bức tượng vẽ trên tường chùa mô-tả đời Đức Phật bằng màu sắc lộng-lẫy, cùng nét vẽ tinh-vi, mỹ-thuật do một họa-sĩ Nhật sáng-tác và vẽ lấy.

5) SANCHI.— Sanchi cách thành phố Bombay độ 500 dặm anh trong tỉnh Bhopal. Trong lúc sinh tiền, Phật chưa bao giờ đến chôn tại nơi đây Sanchi là một nơi có rất nhiều tháp kiến trúc đẹp và vĩ-dại có thể nói có một không hai về bảo vật Phật-pháp. Bảo tháp đẹp nhất trong vùng gần thành-phố Bhila, xưa gọi là Vidisa, là nơi sanh của bà hoàng-hậu Devi, vợ vua Asoka, cho nên nhà vua rất mến cảnh này.

Trên đồi Sanchi, Vua có lập một Tỉnh-xá để em ngài là hoàng-thần Mahindra tu hành, sau ngài được nhà Vua giao phó nhiệm-vụ truyền Phật-pháp tại đảo Tích-lan ở miền-nam Ấn-độ.

Tất cả những di-tích còn lại hiện nay là nhờ công-trình của chính-quyền địa phương Bhopal, đào bới năm 1914. Những lâu đài đó có thể chia ra làm 4 loại: **Bảo-tháp** có khi gọi là Lăng, xây để thờ tro Phật hoặc tro các thánh tăng, **diện thờ Phật**, **trụ đá kỷ-niệm Asoka** và **nhà tăng** (tỉnh-xá).

Bảo tháp Sanchi là một năm tròn vĩ-dại có 103 bộ anh đường kính, cao 42 bộ anh kể từ chầng tháp. Bảo tháp xây bằng đá đỏ chung quanh có hành-lang cao rộng dùng để cho chư tăng và thiện nam tín-nữ kinh hành chung quanh tháp vì theo tục Ấn-độ Phật-tử hành-hương, muốn tỏ lòng kính Phật thường đi bảy vòng vừa niệm Phật vừa lần chuỗi hoặc cầu nguyện theo sở nguyện riêng từng người.

Đi vào tháp có bốn cửa ngõ lớn vĩ-dại xây đúng bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Bốn cửa toàn bằng đá xám chạm trổ tinh vi, tỉ-mĩ, công phu: miêu tả các cảnh đời của Phật hay hình voi, ngựa, sư-tử, vũ-nữ hay tráng-sĩ.

Trích dịch Anh-văn
LIÊN-HƯƠNG
1-1-1956

Bức thư của Tôn-Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Việt
gởi Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học — HUẾ —

PHẬT - LỊCH 2518

Huế, ngày 18 tháng 12 năm 1955

TỔNG-TRỊ-SỰ GIÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-VIỆT

Kính gởi

TỔNG-TRỊ-SỰ HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

tại chùa Từ-Đàm HUẾ

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Kính quý Tổng-Trị-Sự,

Tờ tạp-chí Liên-Hoa xuất-bản ở Huế, lâu nay do Bà Thích-Diệu-Không chủ-trương, nay đã chính-thức chuyển thành cơ-quan hoăng-pháp của Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội chúng tôi (kể từ Bộ II số I tháng Giêng năm Bính-Thân).

*Vậy Tổng-Trị-Sự chúng tôi hân-hạnh báo tin quý Tổng-Trị-Sự biết và yêu cầu quý Tổng-Trị-Sự hoan-hỷ giới-thiệu cùng toàn thể hội-hữu các Tỉnh-Hội Phật-Học thuộc quý Tổng-Trị-Sự, sốt sắng mua tạp-chí Liên-Hoa và **thinh các kinh sách** do Tổng-Trị-Sự chúng tôi phát hành.*

Mong quý Tổng-Trị-Sự hoan-hỷ, Tổng-Trị-Sự chúng tôi thành thật cảm ơn.

Kính chúc quý Tổng-Trị-Sự vô-lượng cát-tường, Phật-sự tinh-tấn.

Nay kính.

CHÁNH-TRỊ-SỰ GIÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-VIỆT

Ký tên: THÍCH-MẬT-NGUYỄN

PHẬT-LỊCH 2518.

Huế, ngày 22 tháng 1 năm 1956.

Kính gửi quý độc-giả Liên-Hoa Văn-Tập

Nam - mô A - Di - Đà Phật

Kính quý Độc-giả,

Liên-Hoa Văn-Tập ra đời được một năm nay, là nhờ lòng sốt-sắng ủng-hộ của quý vị. Đối với công-dức ấy, Tòa-soạn chúng tôi xin chân-hành cảm-tạ, và cầu Tam-Bảo gia-hộ quý vị tinh-tấn trên đường học Đạo.

Đồng thời chúng tôi xin tin quý vị rõ Liên-Hoa Văn-Tập đến đầu Xuân năm Bính-Thân hân-hạnh chuyển làm cơ-cuan hoằng-pháp của Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Việt. Thế là Liên-Hoa sẽ được Giáo-Hội trực-tiếp trông nom, thêm nhiều ngoài linh-hoạt cộng-tác, nội-dung cũng như hình-thức nhờ thế mà được đổi mới, hy-vọng sẽ làm vừa lòng quý vị hơn năm cũ.

Nhưng Liên-Hoa năm mới có được tồn-tại và phát-triển mạnh mẽ hay không ? Phần lớn cũng nhờ Đạo-tâm của quý vị. Nên chúng tôi rất mong quý vị triệt đề ủng-hộ bằng cách tiếp-tục gởi tiền trước mua dài hạn, và cổ-động thêm người mua dài hạn, để cho Liên-Hoa đủ phương-tiện tiếp-tục ra đời, tiếng nói chánh-pháp được lưu-hành khắp xứ, mọi người được thấm-nhuần lợi-lạc.

Luôn dịp năm cũ đã qua, Tòa-soạn Liên - Hoa cầu chúc quý vị sang toàn quyền sang năm mới gặp nhiều hạnh-phúc an-lành.

Nay kính,

CHỦ-NHIỆM LIÊN-HOA VĂN-TẬP

Ký tên: THÍCH-DIỆU-KHÔNG

Thông tư của Tổng Trị Sự Hội Việt Nam Phật Học
gửi toàn thể các Tỉnh Hội Việt Nam Phật học

HỘI VIỆT - NAM PHẬT - HỌC

PHẬT-LỊCH 2518

TỔNG TRỊ-SỰ

Huế, ngày 7 tháng 1 năm 1956

Số: 509-VH/TTS

**CHÁNH - HỘI - TRƯỞNG TỔNG - TRỊ - SỰ
HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC**

Kính thông-tư toàn thể các Tỉnh-hội V.N.P.H.

Nam Mô A-Di-Đà Phật

Tổng Trị-Sự xin giới thiệu cùng toàn thể
Hội-hữu, những kinh sách của các tổ - chức sau
đây ấn hành nên thỉnh mà đọc :

- 1) Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Việt và Nam-Việt,
- 2) Hội Phật-Học Nam-Việt.

Hai tờ tạp-chí nguyệt-san (Liên-Hoa của Giáo
Hội Tăng-Già Trung-Việt và Từ-Quang của Hội
Phật-Học Nam-Việt) các Hội-hữu nên sốt sắng
mua đọc và cõ động giúp.

Nay thông-tư,

Chánh Hội-Trưởng Tổng-Trị-Sự

Ký tên: THÍCH-TRÍ-QUANG

CÁO BẠCH

Cùng quý vị độc-giả thân mến !

Liên-hoa Văn-tập đầu xuân năm Bính-Thân (1956) sẽ chuyển làm cơ-quan hoằng-pháp của Tổng-Trị-Sự Giáo-hội Tăng-Già Trung-Việt.

- Thay đổi hình-thức lẫn nội-dung
- Chủ-nhiệm Thượng-Tọa Thích-Đôn-Hậu.
- Ban biên-tập gồm có :

Quý Thượng-Tọa. Giảng-sư, và Tăng - Ni hai trường cùng những Cư-sĩ thông hiểu Phật-pháp ở Trung-Việt-

- Bài vở chọn lọc.
- Trình-bày mỹ-thuật.

Sẽ làm vừa lòng quý độc-giả.

Vậy trông mong quý độc-giả triệt-đề ủng-hộ và cò-động, đề cho Liên-hoa Văn tập đủ phương tiện tiếp tục ra đời, đem lại ánh sáng Phật-pháp cho tất cả mọi người.

LIÊN-HOA VĂN-TẬP